

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẮP CÔNG NGHIỆP

Địa Chỉ: 929-931 Quốc Lộ 1A, Phường Thới An, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

Website: www.imeco.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẮP CÔNG NGHIỆP



2016

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



IMECO

LUÔN VÌ LỢI ÍCH KHÁCH HÀNG CÙNG PHÁT TRIỂN

IMECO ALWAYS SEEKS TO DEVELOPMENT FOR THE SAKE OF CUSTOMER

MỤC

I

THÔNG TIN CHUNG

1

II

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

17

III

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

31

IV

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

39

LỤC

VIII

69

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

VII

59

QUẢN TRỊ CÔNG TY

VI

53

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

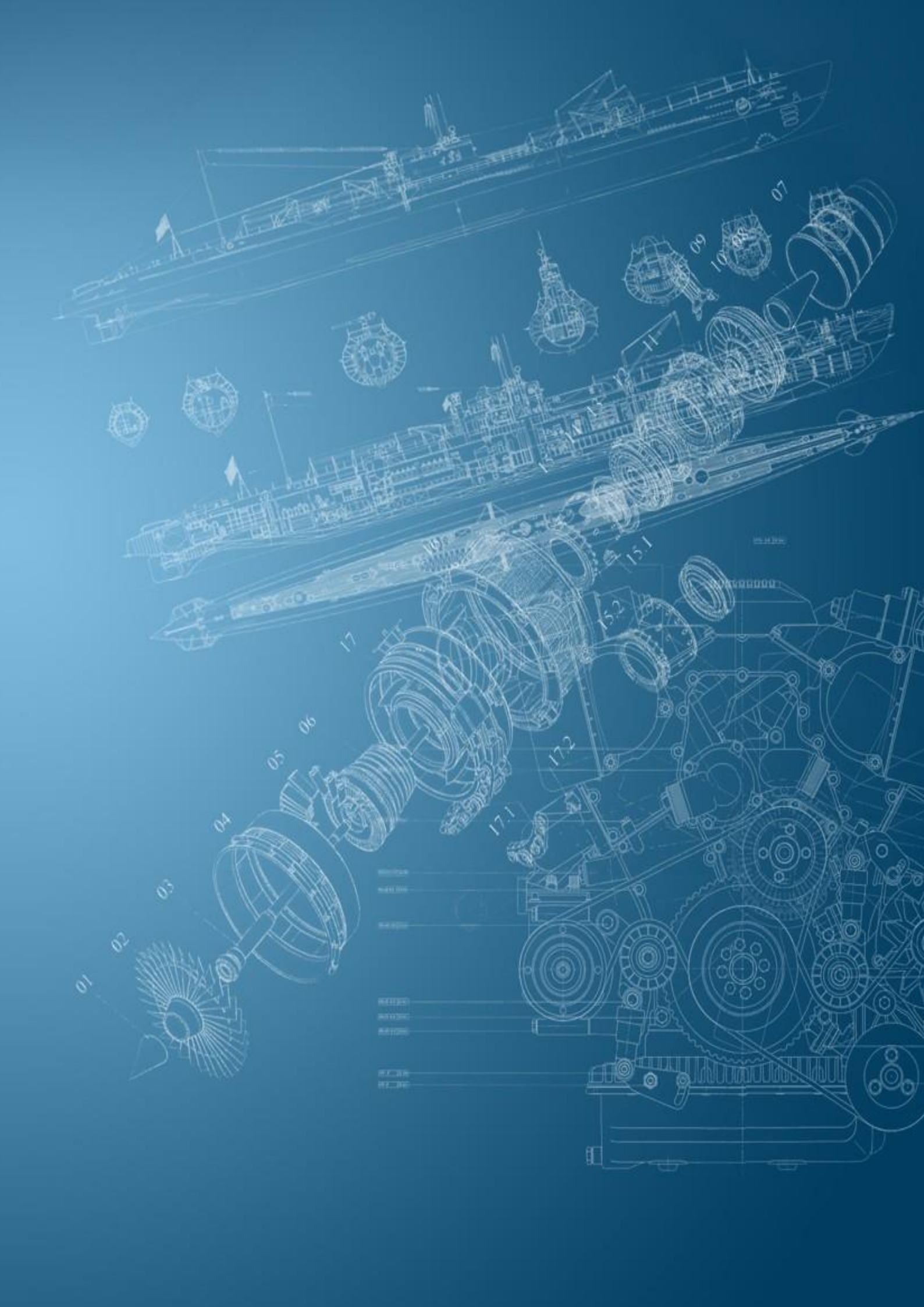
V

47

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÔNG TIN CHUNG

- **Thông tin khái quát**
- **Quá trình hình thành và phát triển**
- **Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**
- **Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức**
- **Định hướng phát triển**
- **Rủi ro**





THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẮP CÔNG NGHIỆP
Tên giao dịch:	MECHANICAL AND INDUSTRIAL CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	IMECO JSC
Giấy CNĐKDN số:	0300628797 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 16/01/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 vào ngày 14/07/2016
Vốn điều lệ:	35.999.480.000 VNĐ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	35.999.480.000 VNĐ
Địa chỉ:	929-931 Quốc lộ 1A, Phường Thới An, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh
Số điện thoại:	(84-8) 3717 3237
Số fax:	(84-8) 3717 3201
Website:	www.imecovn.com.vn
Email:	imeco@hcm.vnn.vn
Mã cổ phiếu:	IME

Logo







QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (IMECO) là một trong những công ty tiêu biểu trong ngành cơ khí của Việt Nam. IMECO khởi nghiệp từ Xí Nghiệp Cơ Điện Tân Bình chuyên chế tạo, sửa chữa máy móc thiết bị, gia công cơ khí phục vụ cho Ngành Bột ngọt Mì ăn liền vào ngày 20/08/1979. Sau hơn 38 năm hoạt động theo mô hình doanh nghiệp Nhà nước, Công ty đã có một bước chuyển mình quan trọng khi chuyển đổi mô hình doanh nghiệp từ Nhà nước sang Công ty cổ phần vào tháng 07/2005. Đến nay, trải qua chặng đường hơn 11 năm sau chuyển đổi, IMECO đã và đang khẳng định vị thế, uy tín của mình trong ngành cơ khí nói chung cũng như trong niềm tin từ phía đối tác, cổ đông của mình nói riêng. Những cột mốc quan trọng ghi dấu chặng đường nỗ lực vươn tầm phát triển của IMECO như sau:

2009

Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (IMECO) chính thức đưa cổ phiếu công ty giao dịch tập trung tại sàn UPCOM và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 01/12/2009. Mã cổ phiếu: IME. Tổng giá trị đăng ký giao dịch lần đầu là 30 tỷ đồng.

2005

Tháng 7/2005 theo Quyết định số 2385/QĐ-TCCB của Bộ Công nghiệp, Công ty Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp theo Giấy CNĐKKD: 0300628797 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM cấp ngày 16/01/2006 và thay đổi lần 4 ngày 13/04/2012.

2004

Ngày 05/05/2004, theo Quyết định số 32/2004/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp về việc chuyển Công ty Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp là thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Bia - Rượu – Nước giải khát Sài Gòn.

2009

Tính đến thời điểm hiện nay, Công ty đã đưa toàn bộ 3.599.948 cổ phần phổ thông vào giao dịch tập trung tại sàn UPCOM.

2016

1993

Ngày 07/05/1993, Nhà máy Cơ khí Thực phẩm được thành lập theo Quyết định số 448/CNn-TCLĐ của Bộ Công nghiệp nhẹ.

1996

Theo Quyết định số 1409/QĐ-TCCB của Bộ Công Nghiệp, Nhà máy Cơ khí thực phẩm được đổi thành Công ty Cơ khí thực phẩm.

1992

Xí Nghiệp Cơ Điện Tân Bình được bộ chủ quản là Bộ Công Nghiệp Nhẹ đổi tên thành Nhà máy Cơ Khí - Thực Phẩm theo Quyết định số 524/CNN-TCLĐ ngày 02/07/1992 của Bộ Công nghiệp nhẹ.

1979

Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp được thành lập vào ngày 20/08/1979, là tiền thân của Xí Nghiệp Cơ điện Tân Bình - thành viên Liên hiệp Bột ngọt Mì ăn liền, trực thuộc Bộ Nông Nghiệp và Công Nghiệp Thực phẩm.

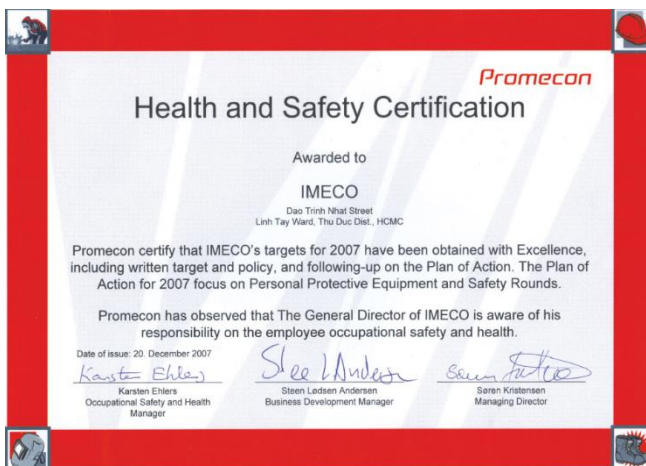
1999

Ngày 12/08/1999, theo Quyết định số 52/1999/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp Công ty Cơ khí Thực phẩm đổi thành Công ty Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp trực thuộc Tổng Công ty máy và

Thành tích đạt được

Trong quá trình phát triển từ khi cổ phần hoá đến nay với những thành tích đạt được, IMECO đã vinh dự nhận được các phần thưởng:

- 🏅 Huân chương lao động hạng II do nhà nước trao tặng năm 2009;
- 🏅 Bằng khen của Bộ Công Thương trao tặng các năm 2006, 2008, 2009;
- 🏅 Bằng khen của UBND thành phố HCM năm 2007;
- 🏅 Cờ thi đua của Chính phủ trao tặng năm 2008;
- 🏅 Đảng bộ Công ty được Đảng ủy khối công nhận Đảng bộ đạt trong sạch vững mạnh 5 năm liền từ năm 2006 – 2010;
- 🏅 Bằng khen của Công đoàn TP.HCM năm 2006, 2009;
- 🏅 Bằng khen của Công đoàn Bộ Công Thương năm 2008;
- 🏅 Cờ thi đua của Công đoàn Bộ Công Thương năm 2007, 2010;
- 🏅 IMECO được cấp “Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng toàn diện QC 100 TQM” của tổ chức BID tại Geneva Thụy Sĩ năm 2009;
- 🏅 Cúp thương hiệu mạnh do Bộ Công Thương trao tặng năm 2010;
- 🏅 Bằng khen của Bộ Công thương năm 2010;
- 🏅 Cờ thi đua của Bộ Công thương trao tặng năm 2011;
- 🏅 Bằng khen của Thủ tướng chính phủ năm 2012;
- 🏅 Bằng khen của Bộ Công thương năm 2012;
- 🏅 Bằng khen của Bộ Công thương năm 2013;
- 🏅 Huân chương Lao động hạng nhất năm 2014;
- 🏅 Bằng khen của UBND TP.HCM năm 2014;
- 🏅 Danh hiệu “Điển hình tiên tiến 5 năm” do Bộ trưởng Bộ Công Thương trao tặng 04/05/2015



CERTIFICATE

Conformity of the Factory Production Control
0035-CPR-1090-1.00981.TÜVRh.2015.001

In compliance with Regulation 305/2011/EU of the European Parliament and of the Council of 9 March 2011 (the Construction Products Regulation or CPR), this certificate applies to the following construction product:

Construction product	Structural components and kits for steel structures to EXC4 according to EN 1090-2
Intended use	for load-bearing structures in all types of buildings
CE - marking method	ZA.3.2 and ZA.3.4 acc. to EN 1090-1:2009+A1:2011
Range of production	see reverse produced by or for
Manufacturer	Mechanical & Industrial Construction Joint Stock Company Dao Trinh Nhat Street, Linh Tay Ward, Thu Duc District Ho Chi Minh City VIET NAM
Manufacturing plant	Mechanical & Industrial Construction Joint Stock Company Dao Trinh Nhat Street, Linh Tay Ward, Thu Duc District Ho Chi Minh City VIET NAM
Confirmation	This certificate attests that all provisions concerning the assessment and verification of consistency of performance described in Annex ZA of the harmonised standard EN 1090-1:2009+A1:2011 under system 2+ are applied, and that the factory production control fulfils all the prescribed requirements stated therein.
Start of validity	20.01.2015
Next Surveillance audit	19.01.2016
Period of validity	This certificate will remain valid as long as the test methods and/or the factory production control requirements included in the harmonised standard used to assess the performance of the declared characteristics do not change, and the product and the manufacturing conditions in the plant are not modified significantly. see reverse
Remarks	see reverse
Place and date of issue	Cologne, 20.01.2015 Joo-Ho Eom/ta





www.tuv.com



CERTIFICATE OF APPROVAL

Lloyd's Register Quality Assurance hereby certifies that the company:

Mechanical & Industrial Construction Joint Stock Company (IMECO)

Dao Trinh Nhat Street, Linh Tay Ward, Thu Duc District,
Ho Chi Minh City, Vietnam

has furnished proof to fulfil the quality requirements for welding according to:

ISO 3834 – 2 : 2005

in the extent mentioned on the schedule of this certificate.

This certificate is valid only in association with the certificate schedule bearing the same number on which the locations applicable to this approval are listed.


Approval Certificate No:	Original Approval	:	28 November 2012
SNG6014867	Current Certificate	:	28 November 2012
	Certificate Expiry	:	27 November 2015



Issued by: Lloyd's Register Nederland B.V.



This document is subject to the provision on the reverse
Wetwa-Zuid 170, 3012 MC, Rotterdam, The Netherlands - K.v.K. nr. 24247948
This approval is valid only in association with the approval certificate. Production not recorded by LRQA



DNV BUSINESS ASSURANCE

MANAGEMENT SYSTEM CERTIFICATE

Certificate No. 139379-2013-AQ-VNM-RvA

This is to certify that:

Mechanical & Industrial Construction Joint Stock Company (IMECO)


929-931 1A National Road, Thoi An Ward, District 12, Ho Chi Minh City, Viet Nam

has been found to conform to the Management System Standard:


ISO 9001:2008

This Certificate is valid for the following product or service ranges:

- Manufacture of Production line for Food processing, Chemical, Fertilizer, Animals feed, Petro and Gas Industries;
- Design, Manufacture of Boiler, Pressure vessels for Food processing, Chemical and Animals feed;
- Design, Manufacture and Erection of Steel Structure.

<i>Initial Certification date:</i> 7 August 2013	<i>Place and date:</i> Barendrecht, 8 August 2013
<i>This Certificate is valid until:</i> 26 June 2016	<i>for the Accredited Unit:</i> DET NORSKE VERITAS CERTIFICATION B.V., THE NETHERLANDS
<i>The audit has been performed under the supervision of:</i> Lam Tan An Lead Auditor	 S. Bougaard Management Representative

Lack of fulfillment of conditions as set out in the Certification Agreement may render this Certificate invalid.
DNV Business Assurance Certification B.V., Dijkstra 1, 2009 CA Rotterdam, The Netherlands. TEL: +31 (0) 78 639 2000. www.dnv.com



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU HÀNG HÓA**


Số : 37073

Chủ Giấy chứng nhận: **CÔNG TY CƠ KHÍ VÀ XÂY LẬP CÔNG NGHIỆP**

Quốc lộ 1A, phường Thới An, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

Số đơn: 44290	Ngày nộp đơn hợp lệ: 22.12.1999
	Ngày ưu tiên: 22.12.1999

Đã được cấp theo Quyết định số: 1202/QĐ-ĐK Ngày: 08.05.2001
Có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 10 năm tính từ ngày nộp đơn hợp lệ (có thể gia hạn)



K.T. CỤC TRƯỞNG
CỤC SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP
Phó Cục Trưởng



Trần Việt Hùng



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

Hiện nay CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (IMECO) đang hoạt động trong các lĩnh vực sau (trong đó chế tạo cơ khí là hoạt động chủ lực của Công ty):

- Chế tạo các sản phẩm cơ khí, máy móc thiết bị công nghiệp, thiết bị chế biến thực phẩm, thiết bị xử lý môi trường, lò hơi, thiết bị áp lực và đường ống công nghệ;
- Lắp đặt máy móc, thiết bị điện, nước và hoàn thiện công trình;
- Lắp đặt các thiết bị hạ thế và trung thế đến 22KV;
- Chế tạo và lắp dựng kết cấu thép, sản xuất tấm lợp – xà gồ thép và khung nhà tiền chế (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí, xi mạ điện);
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, tạo bãi;
- Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp bao gồm: công trình giao thông, công trình cấp thoát nước;
- Xử lý nước thải;
- Kinh doanh bất động sản.

Địa bàn kinh doanh

IMECO có địa bàn hoạt động trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam nhưng hoạt động mạnh mẽ nhất là ở các tỉnh phía Nam, là đối tác của nhiều doanh nghiệp thuộc khu vực Châu Á, Châu Âu. Trong những năm qua, doanh thu từ xuất khẩu chiếm gần 90% doanh thu. Công ty đã xuất khẩu hàng ngàn tấn sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế sang các thị trường, Mỹ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Nga, Trung Quốc, Châu Âu và các nước Trung Đông.

Với mục tiêu phát triển toàn diện, IMECO đang nỗ lực giới thiệu và cung cấp toàn bộ sản phẩm của mình đến với mọi khách hàng trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam cũng như đẩy mạnh xuất khẩu ra các khu vực khác trên Thế giới.





Một số công trình tiêu biểu

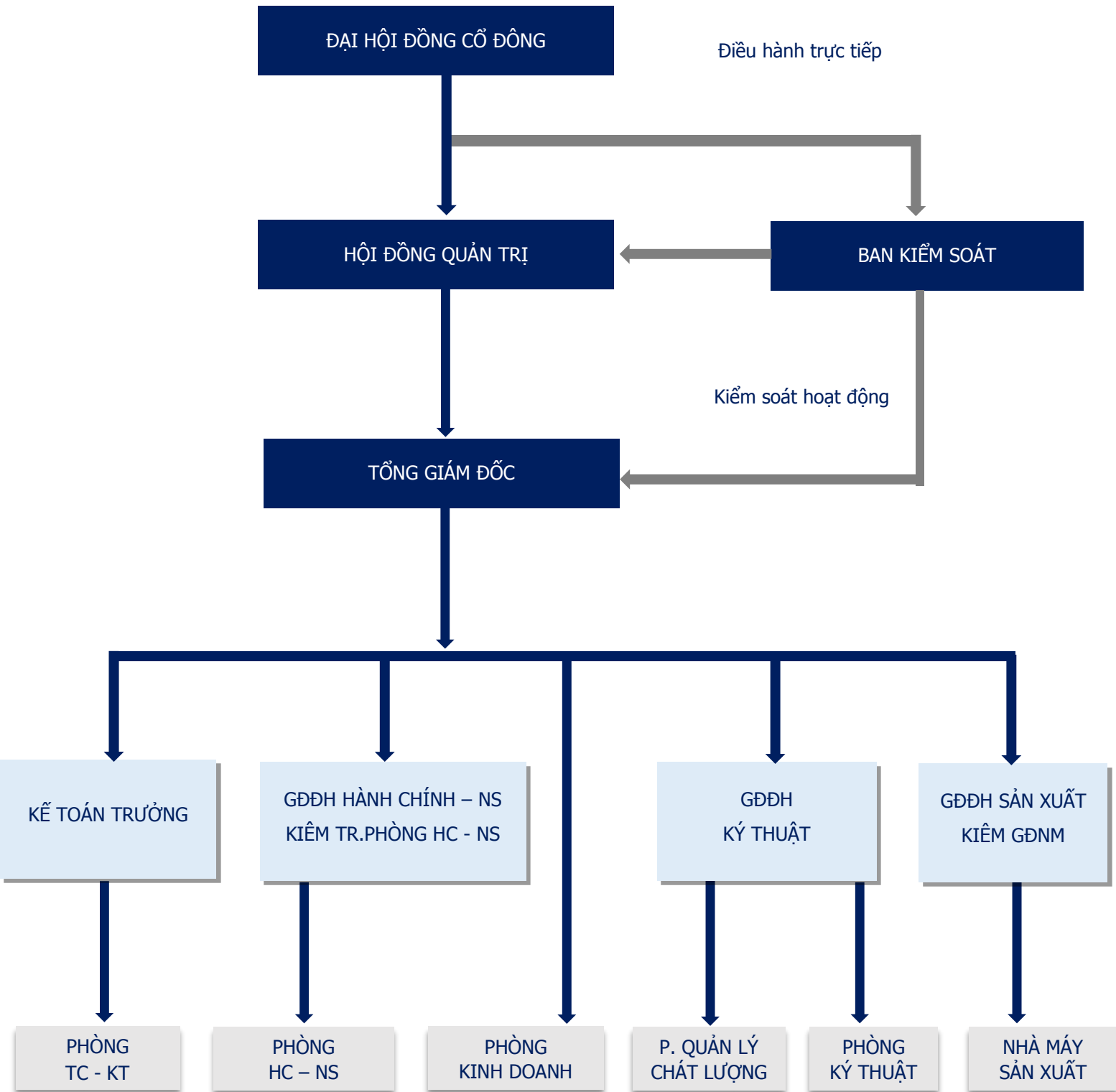




MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC

Cơ cấu bộ máy quản lí

Các công ty con, công ty liên kết: Không có



Mô hình quản trị

IMECO được điều hành và quản lý theo mô hình quản trị bao gồm:

- ⊗ Đại Hội đồng cổ đông;
- ⊗ Hội đồng quản trị (Chủ tịch và các thành viên HĐQT);
- ⊗ Ban Kiểm soát (Trưởng ban và các thành viên BKS);
- ⊗ Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng và Giám đốc nhà máy.
- ⊗ Phòng chuyên môn nghiệp vụ: phòng Hành chính – Nhân sự, phòng Tài chính – Kế toán, phòng Kinh doanh, phòng Kỹ thuật, phòng Quản lý chất lượng.
- ⊗ Đơn vị hạch toán phụ thuộc: Nhà máy Chế tạo Thiết bị đồng bộ



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các Mục Tiêu Chủ Yếu Của Công Ty

⊗ Về thị trường

Những năm vừa qua, khi sự hội nhập đang là xu hướng phát triển của nền kinh tế việc khẳng định thương hiệu là cần thiết với mỗi doanh nghiệp; chính vì vậy IMECO đang đẩy mạnh việc xây dựng và khẳng định thương hiệu những sản phẩm của mình. Song song đó, Công ty cũng luôn chú ý củng cố và hoàn thiện những chiến lược kinh doanh nhằm giữ vững và phát triển thị trường xuất khẩu các mặt hàng kết cấu thép, máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất thức ăn gia súc đi các nước Châu Âu, Châu Á...

⊗ Về doanh thu và lợi nhuận

Mức tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận luôn được IMECO duy trì ổn định trong những năm qua. Công ty đặt mục tiêu phát triển từ 5% - 10%/ năm trong tương lai nhằm nâng cao hoạt động kinh doanh ngày càng hiệu quả; đảm bảo lợi ích tối đa cho cổ đông cũng như những quyền lợi, điều kiện làm việc tốt cho người lao động và đóng góp tích cực cho cộng đồng xã hội.

Để duy trì mức tăng trưởng doanh thu qua từng năm, IMECO đã đầu tư và mở rộng năng lực sản xuất, thường xuyên đa dạng hoá sản phẩm, không những đáp ứng nhu cầu trong nước mà còn mở rộng xuất khẩu ra các nước trong khu vực. Mặt hàng cơ khí là mặt hàng chủ lực của Công ty, luôn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu doanh thu của IMECO.

⊗ Về sản xuất

Với tiêu chí đảm bảo cân đối hài hòa giữa lợi nhuận và thị phần, duy trì tăng trưởng vững chắc nhưng vẫn cam kết về chất lượng sản phẩm đầu ra nhằm đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao của thị trường. Do đó IMECO đã không ngừng đầu tư và tập trung huy động mọi nguồn lực để xây dựng một hệ thống sản xuất hoàn thiện, nâng cao hiệu quả sản xuất, đặc biệt chú trọng về chất lượng sản phẩm.

Trong bối cảnh nền kinh tế mặc dù đã khởi sắc nhưng vẫn còn đó nhiều khó khăn, bên cạnh công tác mở rộng thị phần và nâng cao chất lượng sản phẩm. IMECO quyết tâm thực hiện sản xuất tiết kiệm nhằm tối đa hóa lợi nhuận của mình.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Sau hơn 20 năm mở cửa quan hệ hợp tác với các nước trên Thế Giới, hiện nay nền kinh tế thị trường càng có nhiều doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào Việt Nam trong lĩnh vực cơ khí làm cho lĩnh vực này ngày một phát triển mạnh. Nhân thấy được điều này, IMECO đã không ngừng nghiên cứu và cải tiến sản phẩm cho phù hợp với các tiêu chuẩn tiên tiến của Thế giới, đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực, quản lý chất lượng và sản xuất theo đúng yêu cầu của khách hàng để có được năng lực cạnh tranh và vị thế tốt trên thị trường.

Nhờ có chiến lược phát triển đúng đắn cùng với đội ngũ cán bộ nhân viên đầy nhiệt huyết và lớn mạnh không ngừng, thương hiệu IMECO đang ngày càng phát triển vững mạnh và tạo ra các thành tích đáng khích lệ cũng như trở thành đối tác tin cậy của nhiều khách hàng nhập khẩu sản phẩm cơ khí, điều này cũng đã đóng góp tích cực tạo nên sự tăng trưởng của công ty, đảm bảo công ăn việc làm cho hơn 400 lao động trong khu vực.

Để tiếp nối những thành công đã đạt được, công ty cần phải có định hướng chiến lược phù hợp. Trong thời gian tới, IMECO sẽ tiếp tục kế thừa và phát huy những năng lực hiện có đồng thời nâng cao đầu tư phát triển những cơ hội tiềm năng trong tương lai.



Đầu tư

Để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng cũng như đảm bảo sự tăng trưởng bền vững và tạo ra sự đột phá, IMECO cần phải đầu tư nâng cấp về chiều rộng và chiều sâu để tập trung vào các mục tiêu chính sau đây:

- 🕒 Tăng cường máy móc thiết bị hiện đại nhằm hoàn thiện dây chuyền sản xuất;
- 🕒 Chế tạo trọn gói hệ thống cung cấp và xả khí trọn gói cho các nhà máy nhiệt điện công suất đến 1.500 MW;
- 🕒 Chế tạo trọn gói chân tháp phong điện và các thiết bị phụ trợ;
- 🕒 Chế tạo trọn gói cấu kiện công trình có trọng lượng đến 2.000 T/cấu kiện;
- 🕒 Chế tạo trọn gói nhà máy bột giấy công suất 500.000 T/năm



Thị trường tiêu thụ

Ngoài những đối tác quen thuộc, thường xuyên hợp tác kinh doanh, đặt hàng theo nhu cầu sửa chữa như Ajinomoto, Nupak, Tổng công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam, SAIGON SHIPYARD CO., LTD, Công ty CP Chi sợi Cao su V.R.G SA DO, IMECO còn trở thành đối tác tin cậy của nhiều tập đoàn, công ty lớn trên Thế giới, khi những đơn vị này thường xuyên đặt hàng sản phẩm cơ khí xuất khẩu. Cũng chính vì vậy mà IMECO đã trở thành một khâu quan trọng trong chuỗi giá trị của dây chuyền thiết bị và công nghệ. Nhu cầu hàng năm của những khách hàng trên là rất lớn, nhưng hiện nay IMECO mới chỉ đáp ứng được một phần nhỏ, vì hạn chế nguồn lực, cơ sở vật chất và thiếu nguồn cung cấp thép tại chỗ. Nhận thấy được điều này, bên cạnh việc duy trì được mối quan hệ với các khách hàng hiện có, công ty luôn cố gắng khắc phục những hạn chế trên để có thể đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu của khách hàng, từ đó mở rộng thêm thị trường tiêu thụ trong tương lai.

Các mục tiêu đối với môi trường và xã hội

Các mục tiêu với môi trường

Ý thức được trách nhiệm của mình đối với môi trường, Công ty đã tiến hành thực hiện nhiều biện pháp cụ thể nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường. Cụ thể, trong quá trình sản xuất, IMECO đã bố trí quạt thổi mát cục bộ, tạo sự thông thoáng cho môi trường làm việc; ký hợp đồng thuê tổ chức thu gom các loại chất thải rắn thông thường; xây dựng bể tự hoại để xử lý nước thải sinh hoạt; hạn chế không làm phát sinh chất thải nguy hại, khói bụi vv... nên năm 2016 công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường. Trong thời gian tới, IMECO sẽ tiếp tục duy trì các biện pháp trên, kết hợp với việc thường xuyên theo dõi để có những cải thiện, thay đổi phù hợp nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những tác động đến môi trường trong quá trình hoạt động.

Các mục tiêu với xã hội

Thực hiện tốt công tác an toàn lao động, trang bị đầy đủ dụng cụ, phương tiện bảo hộ lao động cho Cán bộ công nhân viên cũng như đảm bảo mang đến đầy đủ những chế độ phúc lợi và trợ cấp hằng năm theo quy định của Luật lao động. Chú ý xây dựng môi trường làm việc an toàn, thân thiện cho cả khối văn phòng và sản xuất để người lao động có được sức khỏe tốt và tinh thần thoải mái hoàn thành nhiệm vụ trong công việc. Công ty có kế hoạch cho các hoạt động vì cộng đồng, xã hội nhằm động viên, hỗ trợ kịp thời đối với các trường hợp khó khăn trên địa bàn hoạt động.



RỦI RO

Rủi ro pháp luật

Những năm vừa qua, để góp phần xóa bỏ rào cản còn hạn chế về kinh doanh, cũng như cải thiện hành lang pháp lý để thu hút đầu tư, những văn bản pháp luật quan trọng như Luật doanh nghiệp 2014, Luật đầu tư, Luật chứng khoán đã có nhiều thay đổi. Điều này vừa mang lại lợi ích nhưng cũng gây ra nhiều thách thức mới cho các doanh nghiệp trong quá trình hoạt động.

Là doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần nên mọi hoạt động của IMECO đều chịu sự chi phối bởi các bộ luật liên quan. Để hạn chế rủi ro pháp lý, Công ty đã luôn nhạy bén trong việc nhận ra những quy định ảnh hưởng đến quá trình hoạt động của mình, từ đó tiến hành nghiên cứu, cập nhật nhằm tìm ra hướng giải quyết tốt có các vấn đề pháp lý gặp phải.



Rủi ro tỷ giá

Ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh và phân phối hàng hóa trong nước thì IMECO còn xuất khẩu sản phẩm của mình sang các nước như Mỹ, Hàn Quốc, Nhật Bản,... Hiện nay, mảng xuất khẩu mang về đến hơn 90% tổng doanh thu vì thế sự biến động về tỷ giá sẽ có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Ngoài ra, các hoạt động mua nguyên vật liệu, sắm mới máy móc thiết bị, cải tiến dây chuyền sản xuất cũng cần sử dụng ngoại tệ cho quá trình thanh toán. Chính vì vậy mà rủi ro về tỷ giá rất được công ty chú ý theo dõi và có các biện pháp quản trị kịp thời.

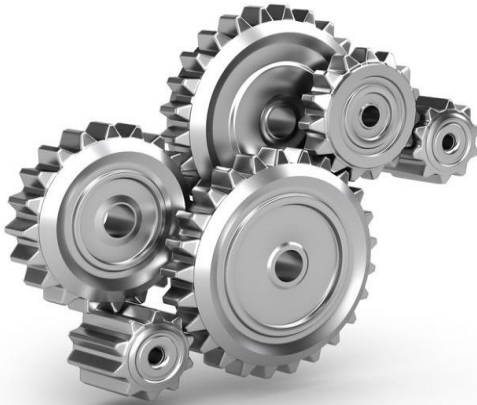
Để hạn chế rủi ro, Công ty đã thường xuyên theo dõi sát biến động của các nhân tố chính có tác động đến tỷ giá cũng như sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để bảo hiểm tỷ giá đối với các hợp đồng xuất nhập khẩu



Rủi ro nhân sự

Trình độ chuyên môn, tay nghề của đội ngũ kỹ thuật, công nhân viên có tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty vì mỗi loại hợp đồng khác nhau cần có mức độ chuyên môn phù hợp riêng. Yếu tố này không những ảnh hưởng đến tiến độ hoàn thành các hợp đồng hiện tại mà còn ảnh hưởng đến việc đàm phán, ký kết các hợp đồng tiềm năng trong tương lai.

Cùng với những chuyển biến tích cực của nền kinh tế thị trường, quản trị nhân sự tại Công ty tiếp tục đối mặt với những thách thức và cơ hội mới do thị trường mang lại. Không chỉ dừng lại ở những công tác tuyển dụng sàng lọc chặt chẽ, công ty còn tăng cường đào tạo đội ngũ lành nghề phù hợp với tiêu chuẩn Quốc tế, nghiêm túc thực hiện đánh giá hiệu quả công việc và phát triển chính sách đãi ngộ, mang lại một môi trường làm việc năng động để đảm bảo hạn chế rủi ro thiếu hụt và mất nguồn lực. Bên cạnh đó, IMECO còn chú trọng lập danh mục những rủi ro có thể gặp phải trong các hoạt động quản trị nhân sự để xác định đánh giá các rủi ro và có kịch bản xử lý thích hợp.



Rủi ro môi trường

Quá trình hội nhập tại Việt Nam những năm gần đây vô cùng mạnh mẽ đã thu hút nhiều vốn đầu tư từ nước ngoài. Hàng loạt nhà máy, xí nghiệp mọc lên gây ra tác động không nhỏ đến môi trường như nước thải, khí thải, rác thải công nghiệp,...Hoạt động trong lĩnh vực cơ khí, IMECO luôn ý thức được những tác động của mình đến môi trường trong quá trình hoạt động, qua đó tuân thủ đúng các tiêu chuẩn chung theo quy định. Ngoài ra, đối với từng đơn hàng, Công ty còn đáp ứng những cam kết, thỏa thuận với các đối tác về mức độ ảnh hưởng môi trường khi sản xuất.

Tuân thủ các chính sách, quy định về môi trường, lựa chọn công nghệ tiên tiến đồng thời không ngừng cải tiến sản xuất để giảm thiểu tác động đến môi trường là tiêu chí mà Công ty hướng đến để giảm thiểu tác động của mình đến môi trường.



Rủi ro lãi suất

Sử dụng nguồn vốn vay là một trong các lựa chọn của doanh nghiệp nhằm phục vụ cho hoạt động kinh doanh, mở rộng quy mô sản xuất, phát triển thị trường, đón đầu hội nhập. Tuy nhiên, khi đó chi phí sử dụng vốn sẽ trở thành một phần tạo nên chi phí sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp, gây ra nhiều áp lực tài chính trong quá trình trả lại số nợ đã vay. Hiện nay, nhận thấy chưa thực sự cần thiết, IMECO không sử dụng vốn vay. Tính đến cuối năm 2016 công ty không có các khoản vay nợ tài chính.

Trong trường hợp quyết định vay vốn, công ty luôn chuẩn bị các phương án cần thiết để hạn chế rủi ro thấp nhất như lựa chọn cơ cấu vốn hợp lý; theo dõi sát sao công nợ và lịch trả nợ nhằm đảm bảo tình hình tài chính đủ khả năng chi trả các khoản nợ đến hạn.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- **Ban Điều Hành Công Ty**
- **Hội đồng quản trị**
- **Ban Kiểm soát**
- **Những thay đổi trong Ban Điều hành**
- **Tình hình nhân sự và chính sách đối với người lao động**







BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Cơ cấu Ban Điều hành Công ty như sau:

Thành viên Ban Tổng Giám đốc	Chức Vụ
Ông Nguyễn Thành Trung	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Anh Tuấn	Giám đốc điều hành sản xuất
Bà Nguyễn Thị Loan	Giám đốc điều hành Hành chính - Nhân sự
Ông Ngô Hồng Sơn	Giám đốc điều hành Kỹ thuật
Bà Nguyễn Thị Long Châu	Kế toán trưởng

Sơ yếu lý lịch Ban Điều hành Công ty:

Ông Nguyễn Thành Trung – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1967

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư ngành cơ khí chế tạo

Chức vụ thành viên TV HĐQT tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 184.200 cổ phần – tỷ lệ 5,12% VDL

Quá trình công tác:

Thời gian	Vị trí
08/1990 – 04/1993	Cán bộ nghiên cứu khoa học phụ trách phần thiết kế Trung tâm Công nghệ khoa học thuộc Viện Khoa học Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh
05/1993 – 08/1996	Kỹ sư – Quản Đốc xưởng cơ khí Công ty Cơ Khí và Xây Lắp Công Nghiệp
09/1996 – 12/2005	Phó Giám đốc Công ty Cơ Khí và Xây Lắp Công Nghiệp, Phó Tổng Giám đốc CTCP Cơ Khí và Xây Lắp Công Nghiệp
01/2006 – 02/2007	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Cơ Khí và Xây Lắp Công Nghiệp
2008 – đến Nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Cơ Khí và Xây Lắp Công Nghiệp



Bà Nguyễn Thị Loan – Giám đốc điều hành Hành chính - Nhân sự

Năm sinh: 1969

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần – tỷ lệ 0%VĐL

Tóm tắt Quá trình công tác:

Từng nắm giữ chức vụ Trưởng văn phòng Giám đốc, Trợ lý tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp, nay là Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc điều hành Hành chính - Nhân sự.

Chức vụ tại tổ chức khác: không.

Bà Nguyễn Thị Long Châu –Kế toán trưởng

Năm sinh: 1961

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần – tỷ lệ 0% VĐL

Tóm tắt Quá trình công tác:

Bà Châu từng nắm giữ chức vụ Phụ trách Kế toán nhà máy Cơ điện Tân Bình, Kế toán trưởng nhà máy Cơ khí Thực phẩm (nay là Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp), đến ngày 15/02/2012 được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc điều hành tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty. Ngày 11/11/2016, Bà được Hội đồng quản trị bổ nhiệm lại chức vụ Kế toán trưởng CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp cho đến nay.

Chức vụ tại tổ chức khác: Không

Ông Đặng Anh Tuấn – Giám đốc điều hành sản xuất

Năm sinh: 1971

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí chế tạo

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần – tỷ lệ 0%VĐL

Tóm tắt Quá trình công tác:

Ông Tuấn từng nắm giữ chức vụ Phó phòng Kỹ thuật, Trưởng phòng Kinh tế - Kỹ thuật CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp, nay là Giám đốc điều hành sản xuất tại Công ty.

Chức vụ tại tổ chức khác: không.



BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Ông Ngô Hồng Sơn – Giám đốc điều hành kỹ thuật

Năm sinh: 1966

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần – tỷ lệ 0%VĐL

Tóm tắt Quá trình công tác:

Ông Sơn từng nắm giữ chức vụ Phó Giám đốc nhà máy chế tạo Thiết bị đồng bộ, Trưởng phòng quản lý chất lượng trực thuộc CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp, đến ngày 15/02/2012 được bổ nhiệm làm Giám đốc điều hành kỹ thuật Công ty.

Chức vụ tại tổ chức khác: không



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cơ cấu Hội đồng quản trị

Thành viên HĐQT	Chức Vụ
Ông Đoàn Minh Toàn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Hạnh	Thành viên HĐQT
Ông Trần Đức Hòa	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Loan	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc điều hành phòng Hành chính – Nhân sự



Ông Đoàn Minh Toàn - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1982

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán – Kiểm toán; Cử nhân quản trị kinh doanh

Chức vụ thành viên TV HĐQT tại các tổ chức khác: Phó Giám đốc tài chính Công ty TNHH SX TM DV Yên Khánh.

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần – tỷ lệ 0% VDL

Quá trình công tác:

Thời gian	Vị trí
2006 - 2009	Phó giám đốc tài chính Công ty CP Tập đoàn Đức Bình
2009 - 2010	Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Tài chính Công ty Cái Mép
2010 - 2013	Phó giám đốc Tài chính Công ty CP Tập đoàn Đức Bình
2013 - Nay	Phó giám đốc tài chính Công ty TNHH SX TM DV Yên Khánh
30/6/2016 – Nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Cơ Khí và Xây Lắp Công Nghiệp

Ông Nguyễn Thành Trung – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

(Xem thông tin ở mục sơ yếu lý lịch Ban Điều hành công ty)

Ông Nguyễn Ngọc Hạnh - Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1960

Trình độ chuyên môn: Cử nhân hành chính

Chức vụ thành viên TV HĐQT tại các tổ chức khác: Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Cơ khí

SA BE CO.

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần – tỷ lệ 0% VDL



Quá trình công tác:

Thời gian	Vị trí
2005 - 2007	Trưởng phòng Hành chính-Nhân sự Xí nghiệp dịch vụ Kỹ thuật Tổng công ty Bia-Rượu-NGK Sài Gòn
2008 - 2011	Phó trưởng phòng Hành chính-Nhân sự Công ty TNHH MTV Cơ khí SA BE CO.
2011 - 2013	Trưởng ban điều độ sản xuất Công ty TNHH MTV Cơ khí SA BE CO.
12/2013 - 03/2016	Giám đốc điều hành sản xuất Công ty TNHH MTV Cơ khí SA BE CO.
01/04/2016 đến nay	Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cơ khí SA BE CO.
25/06/2016 – Nay	Thành viên HĐQT CTCP Cơ Khí và Xây Lắp Công Nghiệp

Ông Trần Đức Hòa –Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1975

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Chức vụ thành viên TV HĐQT tại các tổ chức khác: Phó giám đốc Công ty TNHH SX TM DV Yên Khánh

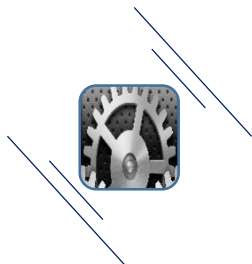
Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần – tỷ lệ 0% VDL

Quá trình công tác:

Thời gian	Vị trí
2000 - 2005	Chuyên viên tín dụng tại Ngân hàng ACB
2005 - 2011	Phó phòng Kinh doanh tại Ngân hàng TECHCOMBANK ; Trưởng phòng giao dịch Ngân hàng ABBANK; Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng VIB.
2011 - 2015	Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng HDBANK
2015 - Nay	Phó giám đốc Công ty TNHH SX TM DV Yên Khánh
25/6/2016 – Nay	Thành viên HĐQT CTCP Cơ Khí và Xây Lắp Công Nghiệp



Bà Nguyễn Thị Loan – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc điều hành HC - NS
(Xem thông tin ở mục sơ yếu lý lịch Ban Điều hành công ty)



BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát

Cơ cấu Ban Kiểm soát của công ty như sau:

Thành viên Ban Kiểm soát	Chức Vụ
Ông Nguyễn Văn Sơn	Trưởng Ban
Bà Vũ Thanh Phương	Thành viên
Ông Đinh Văn Hạnh	Thành viên



Sơ yếu lý lịch của Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Sơn – Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 1976

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán doanh nghiệp

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần – tỷ lệ 0% VDL

Tóm tắt quá trình công tác:



BAN KIỂM SOÁT

Thời gian	Vị trí
04/2004-12/2007	Kế toán trưởng Công ty CP sản xuất Bao bì & hàng xuất khẩu, CN TP.HCM
01/2008 – 04/2010	Kế toán trưởng Công ty CP Truyền Thông Sao Thế Giới
04/2010 -06/2011	Kế toán trưởng Công ty CP Đất xanh Miền Bắc
09/2011 - Nay	Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Cơ khí SA BE CO.
30/06/2016 – Nay	Trưởng BKS CTCP Cơ Khí và Xây Lắp Công Nghiệp

Bà Vũ Thanh Phương – Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1982

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh – Kinh tế đối ngoại

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần – tỷ lệ 0% VDL

Tóm tắt Quá trình công tác:

Thời gian	Vị trí
2002 - 2006	Nhân viên hàng Hàng không Quốc gia Việt Nam
2006 - 2008	Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư TM Phương Đông
2008 - Nay	Phó giám đốc Công ty CP XNK Đức Bình
25/06/2016 – Nay	Thành viên Ban kiểm soát CTCP Cơ Khí và Xây Lắp Công Nghiệp

Ông Đinh Văn Hanh – Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí - Hàn

Số cổ phần nắm giữ: 504 cổ phần – tỷ lệ 0,014% VDL

Tóm tắt Quá trình công tác:

Thời gian	Vị trí
2003 - 2008	Nhân viên KCS phòng Kỹ thuật Công ty CP Cơ khí & Xây lắp Công nghiệp
2008 - 2009	Phó phòng Quản lý chất lượng Công ty CP Cơ khí & Xây lắp Công nghiệp
2009 - Nay	Trưởng phòng Quản lý chất lượng Công ty CP Cơ khí & Xây lắp Công nghiệp
25/06/2016 - Nay	Thành viên Ban kiểm soát CTCP Cơ Khí và Xây Lắp Công Nghiệp
2016 – Nay	Thành viên Ban kiểm soát CTCP Cơ Khí và Xây Lắp Công Nghiệp



NHỮNG THAY ĐỔI TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH

Năm qua, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 25/06/2016, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã được đại hội bầu lại nhiệm kỳ mới (2016 - 2021).

Tóm tắt thay đổi nhân sự

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Hội đồng quản trị:				
1	Bùi Quang Hải	Chủ tịch HĐQT	28/04/2011	25/06/2016
2	Đoàn Minh Toàn	Chủ tịch HĐQT	30/06/2016	
3	Nguyễn Thành Trung	Thành viên HĐQT	25/06/2016	
4	Nguyễn Quốc Bình	Thành viên HĐQT	28/04/2011	25/06/2016
5	Nguyễn Cao Hoảng	Thành viên HĐQT	28/04/2011	25/06/2016
6	Đới Văn Lân	Thành viên HĐQT	28/04/2011	25/06/2016
7	Nguyễn Thị Loan	Thành viên HĐQT	25/06/2016	
8	Nguyễn Ngọc Hạnh	Thành viên HĐQT	25/06/2016	
9	Trần Đức Hòa	Thành viên HĐQT	25/06/2016	
Ban kiểm soát:				
1	Huỳnh Phước Năng	Trưởng BKS	28/04/2011	25/06/2016
2	Nguyễn Văn Lớn	Thành viên BKS	28/04/2011	25/06/2016
3	Hà Ngọc Long	Thành viên BKS	28/04/2011	25/06/2016
4	Nguyễn Văn Sơn	Trưởng BKS	30/06/2016	
5	Vũ Thanh Phương	Thành viên BKS	25/06/2016	
6	Đình Văn Hạnh	Thành viên BKS	25/06/2016	
Ban điều hành:				
1	Nguyễn Thành Trung	Tổng Giám đốc	10/02/2013	
2	Đặng Anh Tuấn	GĐĐH sản xuất	01/10/2013	
3	Nguyễn Thị Loan	GĐĐH HC-NS	10/02/2013	
4	Nguyễn Thị Long Châu	GĐTC - Kiêm KTT	15/02/2012	01/11/2016
5	Ngô Hồng Sơn	GĐĐH Kỹ thuật	15/02/2012	
6	Nguyễn Thị Long Châu	Kế toán trưởng	01/11/2016	





TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

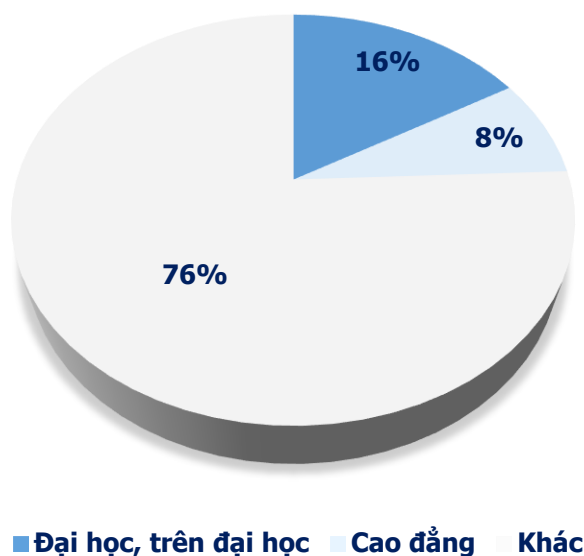
Tình hình nhân sự

Tổng số lao động tại ngày 31/12/2016 là 407 người

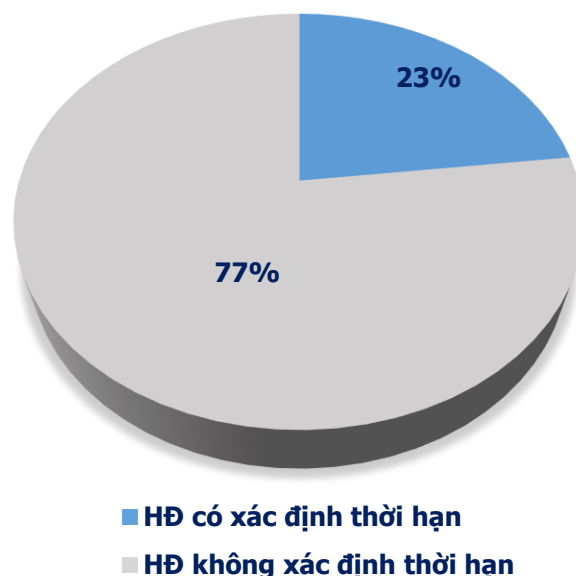
Trong đó

STT	Tính chất phân loại	Năm 2015	Năm 2016	Tỷ lệ 2016/2015
A	Theo trình độ	409	407	100,00%
1	Đại học, trên Đại học	68	67	98,53%
2	Cao đẳng	26	32	123,08%
3	Khác	315	308	97,78%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	409	407	100,00%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	101	94	93,07%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	308	313	101,62%

Cơ cấu lao động theo trình độ năm 2016



Cơ cấu lao động theo tính chất hợp đồng



Chính sách với người lao động

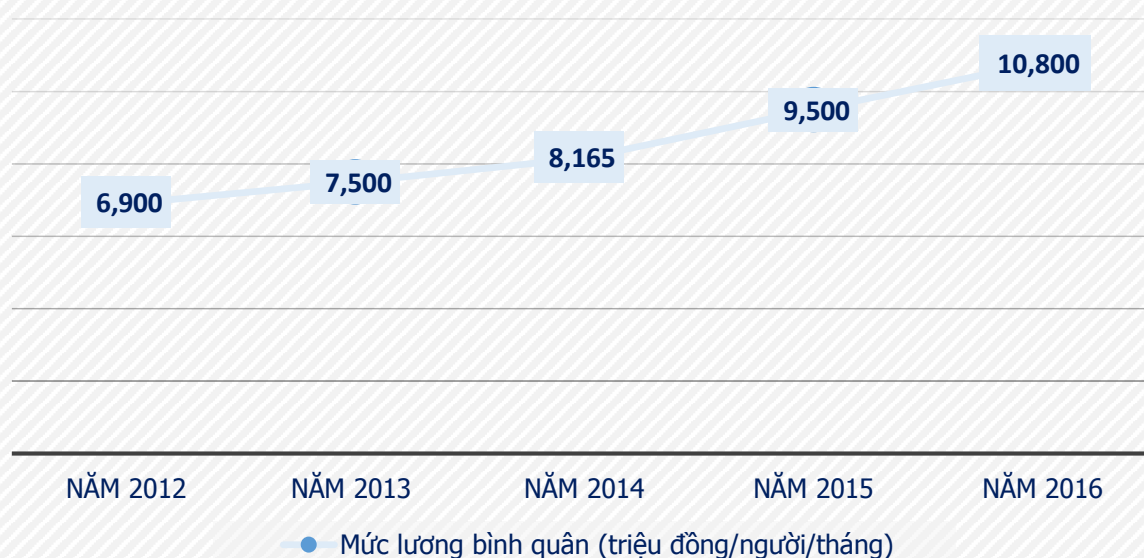
Chính sách lương, thưởng

Trong năm qua, hoạt động sản xuất kinh doanh của IMECO luôn diễn ra liên tục, ổn định đảm bảo công việc và trả lương đúng thời hạn cho CBCNV. Tính bình quân, năm qua số lượng người lao động của Công ty đạt 407 người, thu nhập bình quân đạt 10,8 triệu đồng/người. So với 2015, thu nhập bình quân đã tăng 13,68%. Việc trả lương được xác định đúng với hiệu quả kinh doanh, trình độ tay nghề cũng như tinh thần trách nhiệm của người lao động, đảm bảo sự công bằng, hợp lý và tuân thủ đúng theo Luật lao động

THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG QUA CÁC NĂM (ĐỒNG/THÁNG/NGƯỜI)

STT	Năm	Thu nhập bình quân (đồng/ người /tháng)	Tỷ lệ tăng trưởng (%)
1	2012	6.900.000	15,00%
2	2013	7.500.000	8,70%
3	2014	8.165.000	8,87%
4	2015	9.500.000	13,90%
5	2016	10.800.000	13,68%

Thu nhập bình quân qua các năm



Chính sách đào tạo

Về đào tạo, năm qua một số khóa đào tạo được công ty triển khai cho CBCNV như đào tạo cấp chứng chỉ nghề cho công nhân, đào tạo thi nâng bậc cho công nhân. Ngoài ra, một số khóa huấn luyện được tổ chức bắt buộc đối với toàn bộ người lao động tham gia sản xuất trực tiếp như đào tạo huấn luyện an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và sơ cấp cứu.

Công tác bảo đảm an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường vẫn được công ty duy trì thực hiện. IMECO chủ động trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân, thường xuyên kiểm tra đảm bảo máy móc luôn trong điều kiện an toàn để phục vụ cho hoạt động sản xuất




Chính sách phúc lợi

IMECO thực hiện đầy đủ các chế độ cho CBCNV theo đúng quy định của pháp luật như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, tổ chức khám sức khỏe hằng năm cho toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty, chăm lo cả về vật chất lẫn tinh thần cho người lao động thông qua những chính sách phúc lợi, lương thưởng, thù lao cho các cá nhân hay tập thể có thành tích xuất sắc trong công việc, vượt chỉ tiêu đề ra hoặc hỗ trợ kịp thời đối với những cá nhân có hoàn cảnh khó khăn



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 
- **Tình hình hoạt động kinh doanh**
 - **Tình hình hoạt động đầu tư**
 - **Tình hình tài chính**
 - **Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư của chủ sở hữu**



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

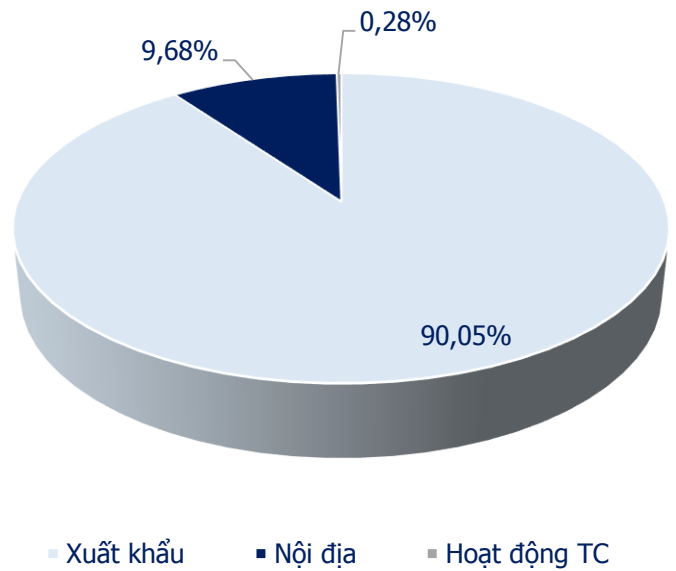
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện 2015	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	So sánh %	
					TH/KH 2016	TH 2016/2015
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	168.774	170.967	181.305	106,05%	107,42%
- Doanh thu xuất khẩu	Tỷ đồng	117.875	126.652	163.257	128,90%	138,50%
- Doanh thu nội địa	Tỷ đồng	50.550	43.965	17.546	39,91%	34,71%
- Doanh thu HĐTC	Tỷ đồng	349	350	502	143,43%	143,84%
Giá trị xuất khẩu	1000USD	5.334	5.850	7.315	125,04%	137,14%
Giá trị nhập khẩu	1000USD	72	200	23	11,50%	31,94%
Số phải nộp NSNN	Tỷ đồng	7.770	6.543	6.770	103,47%	87,13%
Tổng quỹ lương thực trả	Tỷ đồng	46.889	51.912	50.405	97,10%	107,50%
Lao động bình quân	Người	420	415	409	98,55%	97,38%
Thu nhập BQ (người/tháng)	1.000đ	9.500	10.700	10.800	100,93%	113,68%
Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng	7.071	11.050	5.160	46,70%	72,97%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	13.849	14.000	14.146	101,04%	102,14%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	10.857	10.920	11.147	102,08%	102,67%
Cổ tức	%	37	17	17	-	-

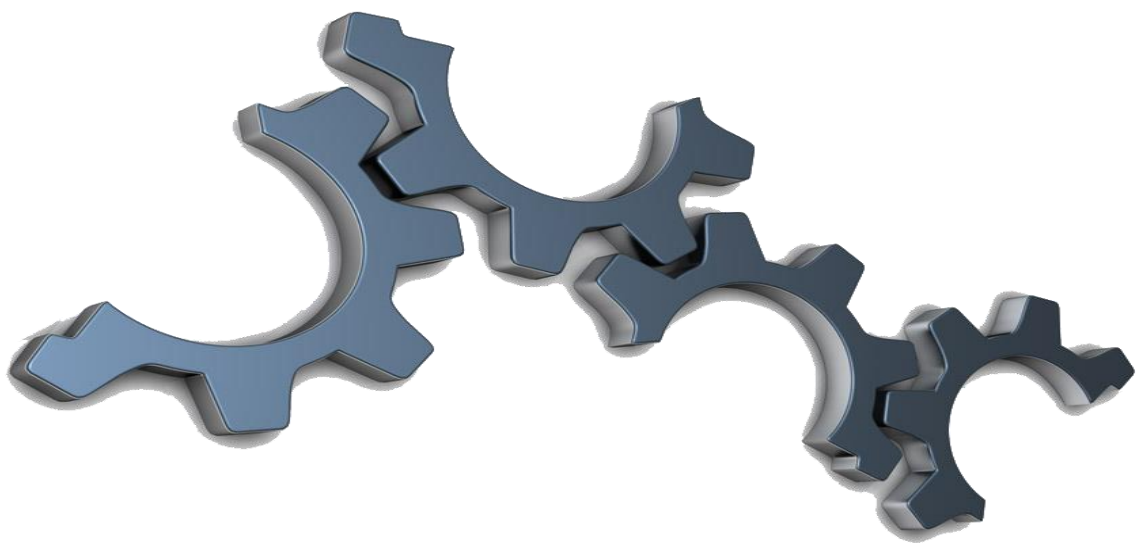


Năm qua, mặc dù phải đối mặt với những thách thức và khó khăn nhưng được sự quan tâm, theo dõi và chỉ đạo kịp thời của Ban lãnh đạo Công ty cũng như sự tin nhiệm của khách hàng, Sau một năm tích cực hoạt động IMECO đã gặt hái được những kết quả nhất định, ngày càng được khách hàng ngoài nước tin tưởng và tiếp tục ký kết nhiều hợp đồng. Với kết quả sản xuất kinh doanh theo các chỉ tiêu đạt được như trên, có thể nói năm 2016 Công ty đã thực hiện hoàn thành xuất sắc kế hoạch đề ra. Cụ thể, lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch 2,08% và tăng 2,67% so với năm trước

Cơ cấu doanh thu 2016



Doanh thu mang lại từ hoạt động xuất khẩu vẫn giữ vững vị thế là mảng hoạt động chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu của IMECO. Năm 2016 doanh thu xuất khẩu chiếm đến 90% tổng doanh thu, hoàn thành vượt mức kế hoạch đặt ra và có được sự tăng trưởng so với năm trước. Doanh thu từ thị trường nội địa trong năm có sự sụt giảm so với năm trước và chưa hoàn thành kế hoạch, bên cạnh đó với việc tỷ trọng của doanh thu hoạt động xuất khẩu liên tục gia tăng trong những năm qua, điều này cho thấy rằng thị trường xuất khẩu đang được công ty chú trọng phát triển. Vào thời điểm cuối năm công ty đã ký kết thành công nhiều hợp đồng có giá trị lớn, chuyển tiếp sang năm 2017 thực hiện như Hợp đồng chế tạo 2 nồi hơi 5 tấn cho Công ty TNHH Yokohama tyre VN giá trị 10,268 tỷ đồng và hơn 1,5 triệu USD cho các khách hàng nước ngoài AAF, NEM, ANDRITZ





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Công tác đầu tư năm 2016 tiến hành dựa trên kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Công ty đã thực hiện hầu hết các hạng mục máy móc thiết bị cần đầu tư, tổng giá trị đạt 46,70% theo kế hoạch, tương đương 72,97% so với năm trước.

Tình Hình Tài Chính

Chỉ tiêu	Thực hiện 2015	Thực hiện 2016	% tăng giảm
Tổng tài sản	104.680	173.313	65,56%
Doanh thu thuần	168.425	180.803	7,35%
Lợi nhuận từ HĐKD	13.483	13.964	3,57%
Lợi nhuận khác	366	182	-50,27%
Lợi nhuận trước thuế	13.849	14.146	2,14%
Lợi nhuận sau thuế	10.857	11.147	2,67%
Lãi cơ bản trên một cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	2.121	1.872	-11,74%



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các Chỉ Tiêu Tài Chính Chủ Yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,60	1,31
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,27	0,48
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	60,20%	72,07%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	151,25%	258,06%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	7,10	2,52
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	1,67	1,30
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	6,45%	6,17%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	24,14%	24,75%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	10,76%	8,02%
Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	6,09%	7,73%



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮA

Cổ phần

Tổng số cổ phần	: 3.599.480 cổ phần
Mệnh giá cổ phiếu	: 10.000 đồng
Loại cổ phần đang lưu hành	: Cổ phần phổ thông
Số cổ phần tự do chuyển nhượng	: 3.599.480 cổ phần
Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	: 0 cổ phần
Cổ phiếu quỹ	: 0 cổ phần

Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 31/12/2016

THÔNG TIN THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG

STT	Loại Cổ đông	Số lượng	Số CP sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
1.1	Nhà nước	01	936.000	9.360.000.000	26%
1.2	Cổ đông khác	67	2.663.948	26.639.480.000	74%
	Tổng cộng	68	3.599.948	35.999.480.000	100,00
2.1	Cổ đông trong nước	67	3.571.148	35.711.480.000	99,20%
➤	Tổ chức	08	2.443.042	24.430.420.000	67,86%
➤	Cá nhân	59	1.128.106	11.281.060.000	31,34%
2.2	Cổ đông nước ngoài	01	28.800	288.000.000	0,80%
➤	Tổ chức	01	28.800	288.000.000	0,80%
➤	Cá nhân	-	-	-	-
	Tổng cộng	68	3.599.948	35.999.480.000	100,00

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên Cổ đông lớn	Số lượng CP đang nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Công ty TNHH MTV Cơ khí SABECO	936.000	26,00
2	Công ty CP TM Nước giải khát Khánh An	848.700	23,58
3	Công ty CP An Hiền	588.484	16,35
4	Trương Thị Mỹ Phượng	344.933	9,58
5	Vũ Thị Hoa	283.492	7,87
6	Nguyễn Thành Trung	181.200	5,00
	Tổng cộng	3.185.809	88,50

Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Trong năm qua, Công ty không có thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

Các chứng khoán khác

Không có

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



⦿ **Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh**

⦿ **Tình hình tài chính**

⦿ **Kế hoạch phát triển trong tương lai**

⦿ **Giải trình của Ban Giám đốc với ý kiến kiểm toán**



HR





ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH



Năm 2016 tình hình kinh tế phục hồi chậm hơn dự báo, tăng trưởng thương mại toàn cầu giảm mạnh giá cả hàng hóa thế giới ở mức thấp đã ảnh hưởng đến kinh tế nước ta, nhất là hoạt động xuất nhập khẩu. Trước nhận định về nền kinh tế Việt Nam như trên, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của IMECO trong năm qua cũng bị ảnh hưởng không nhỏ với những khó khăn chung của nền kinh tế và sự thay đổi lãnh đạo chủ chốt của công ty. Tuy nhiên dưới sự đồng lòng của các cán bộ nhân viên cũng như các phương hướng đúng đắn của ban lãnh đạo Công ty, IMECO đã có một năm hoạt động thành công khi các chỉ tiêu chủ chốt đều vượt kế hoạch đề ra. IMECO đang dần khẳng định thương hiệu mình trên thị trường quốc tế khi số lượng khách hàng nước ngoài tin tưởng và tiếp tục ký kết hợp đồng đạt mức tăng trưởng thuận lợi. Nguồn thu từ hoạt động xuất khẩu đã tăng đáng kể đạt 128,9% so với kế hoạch và đạt 139,5% so với cùng kỳ năm trước.

Mảng kinh doanh tại thị trường nội địa chỉ chiếm 9,68% trên tổng doanh thu và đạt khoảng 40% so với kế hoạch đề ra. Chủ yếu do sự chuyển hướng chú trọng phát triển hoạt động kinh doanh đối với thị trường xuất khẩu, ngoài ra bên cạnh những khách hàng truyền thống thì số lượng đối tác mới không được phát triển nhiều điều này đã phần nào làm sụt giảm doanh hoạt động nội địa của IMECO





Tổng doanh thu đã đạt chỉ tiêu đề ra từ đầu năm, đồng thời tăng đến 38,50% so với năm 2015. Lợi nhuận trước và sau thuế đều đạt kế hoạch và tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước. Việc làm được duy trì cho người lao động đồng thời thu nhập bình quân của người lao động tăng từ 9,5 triệu đồng/người/ tháng lên 10,8 triệu đồng/người/ tháng. Cổ tức được công ty thực hiện chi trả cho cổ đông đúng theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã giao phó, mức cổ tức năm 2015 được đánh giá là mang nhiều lợi ích cho cổ đông hơn cùng kỳ năm trước, khi công ty đã chi trả với tỷ lệ 37% tiền mặt so với 17% của năm 2014.





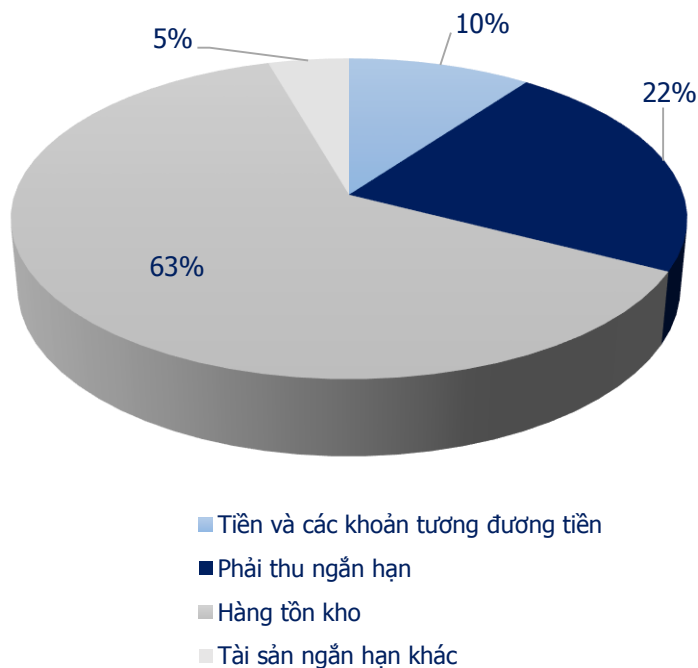
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

ĐVT: triệu đồng

Chi tiêu	2015	2016
I. Tài sản ngắn hạn	89.821	159.146
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	18.535	16.121
2. Phải thu ngắn hạn	39.497	35.691
3. Hàng tồn kho	18.611	100.237
4. Tài sản ngắn hạn khác	13.178	7.097
II. Tài sản dài hạn	14.859	14.167
1. Tài sản cố định	13.138	14.063
2. Tài sản dở dang dài hạn	1.508	-
3. Tài sản dài hạn khác	214	104
Tổng tài sản	104.680	173.313

Cơ cấu tài sản ngắn hạn năm 2016



Cơ cấu tài sản năm nay đã có sự chuyển dịch đáng kể, tỷ trọng lớn nhất rơi vào hàng tồn kho khi tăng hơn 5 lần so với cùng kỳ năm trước đạt 100,23 tỷ. Chủ yếu đến từ chỉ mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Các tiêu chí còn lại không có nhiều thay đổi so với năm 2015. Những năm gần đây tài sản cố định vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất trong tài sản dài hạn và không có nhiều biến đổi so với cùng kỳ khi đạt mức 107% so với năm 2015.

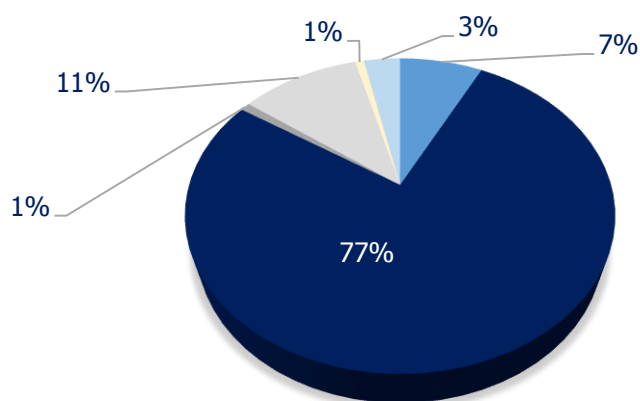


Tình hình nợ phải trả

ĐVT: triệu đồng

Chi tiêu	2015	2016
I. Nợ ngắn hạn	56.143	121.910
1. Phải trả người bán ngắn hạn	3.167	8.713
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.333	89.279
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.925	1.003
4. Phải trả người lao động	16.901	12.506
5. Phải trả ngắn hạn khác	14.185	909
6. Quỹ khen thưởng phúc lợi	3.632	3.831
II. Nợ dài hạn	6.873	2.999
1. Dự phòng phải trả dài hạn	6.873	2.999
Tổng nợ	63.017	124.909

Cơ cấu nợ ngắn hạn năm 2016



■ Phải trả người bán ngắn hạn

■ Người mua trả tiền trước ngắn hạn

■ Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

■ Phải trả người lao động

■ Phải trả ngắn hạn khác

■ Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Tình hình nợ phải trả năm nay đã có những thay đổi khá lớn chủ yếu đến từ mục người mua trả tiền trước ngắn hạn khi tăng 5,8 lần và chiếm tới 73,23% cơ cấu nợ ngắn hạn. Nguyên nhân chính tạo nên sự chuyển dịch này đến từ khoản tiền ứng trước và giá trị nguyên liệu cung cấp để chế tạo thiết bị của Công ty Nem Power Systems. Nợ ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nợ của Công ty, chủ yếu là các khoản người mua trả tiền trước và phải trả người lao động.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Năm 2017, kinh tế thế giới tiếp dự báo tăng trưởng cao hơn năm 2016, nhưng phụ thuộc nhiều vào diễn biến của thị trường tài chính, tiền tệ, thị trường dầu thô, chứng khoán trên thế giới và những tác động của tình hình bất ổn tại một số nước và khu vực...

Theo đó, IMECO xác định kế hoạch sản xuất kinh doanh hợp lý, đảm bảo tính bền vững; phát triển có chọn lọc những mặt hàng có nhiều lợi thế; chú trọng phát triển mạnh thị trường xuất khẩu và tập trung ưu tiên mọi nguồn lực để hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2017

🕒 Công tác kinh doanh, thị trường

Xây dựng mối quan hệ bền vững với các khách hàng truyền thống, nhà cung cấp, tạo điều kiện cho sản xuất kinh doanh ổn định. Tổ chức tốt công tác dự báo thị trường để xây dựng kế hoạch, định hướng kinh doanh đúng và hiệu quả.

Quản lý tốt hoạt động mua hàng của công ty bằng cách tìm nguồn cung cấp nguyên liệu, dịch vụ giá thấp nhưng có chất lượng tốt.

Tiếp tục chú trọng công tác xuất khẩu để quảng bá thương hiệu ra quốc tế. Xây dựng thương hiệu trong nước gắn liền với thành công của thị trường xuất khẩu như: Đức, Đan Mạch, Anh, Mỹ, ..., khai thác tốt thị trường hiện có cũng như nỗ lực đàm phán để mở thêm thị trường mới.

🕒 Công tác đầu tư

Xây dựng kế hoạch đầu tư có hiệu quả, tập trung vào những công việc cần thiết trước mắt, hạn chế đầu tư dàn trải, hiệu quả thấp.

Việc đầu tư máy móc thiết bị, trang bị cơ sở vật chất cho tới thời điểm này của công ty đã tương đối hoàn chỉnh và đầy đủ nên năm 2017 công ty xây dựng kế hoạch đầu tư không nhiều như những năm trước mà chỉ trang bị thêm một số máy công cụ như : máy hàn TIG, MIG, máy tiện, máy doa, máy nén khí, hệ thống xử lý bụi xưởng sơn và một số máy khác với tổng giá trị khoảng 5 tỷ đồng.



Công tác sản xuất

Tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành các công trình đang thi công dở dang của năm 2016 cũng như các hợp đồng ký kết trong năm 2017. Đẩy mạnh công tác nghiệm thu, quyết toán, xác nhận doanh thu, thu hồi vốn; Kiểm soát chặt chẽ tiến độ thi công từng công trình để đảm bảo giao hàng đúng thời hạn quy định.

Quản lý chặt chẽ quá trình sản xuất, thực hành tiết kiệm vật tư, chi phí, bảo dưỡng, bảo trì thiết bị đúng quy định nhằm phát huy tốt công suất máy móc thiết bị, nhà xưởng để góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất.

Tiếp tục duy trì vào lĩnh vực sản xuất hàng cơ khí có hàm lượng kỹ thuật cao, huy động mọi nguồn lực, đặc biệt coi trọng về chất lượng đẩy mạnh sản xuất đáp ứng được yêu cầu của thị trường.

Tiếp tục duy trì và cải tiến hệ thống chất lượng sản phẩm theo hệ thống ISO 9001-2008. Tổ chức thực hiện tốt hệ thống quản lý hàn theo tiêu chuẩn Châu Âu EN 3834-2. Chú trọng công tác nghiên cứu các thành tựu khoa học công nghệ mới ứng dụng vào sản xuất, phát triển các sản phẩm có giá trị cao.



GIẢI TRÌNH BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần, Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến khác.

Các hoạt động khác

Triển khai, tìm mọi biện pháp tăng năng suất lao động để thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 với các chỉ tiêu chủ yếu như: sản lượng, doanh thu, lợi nhuận tối thiểu phải đạt bằng hoặc cao hơn kế hoạch đề ra nhằm đảm bảo mức chi cổ tức cho cổ đông là 17%/năm.

Tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, quy hoạch, lựa chọn, đào tạo và tuyển dụng cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật có trình độ chuyên môn cao để đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Công ty.

Đảm bảo việc làm đầy đủ, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động trong công ty với dự kiến thu nhập bình quân là 11.630.000/người/tháng. Đặc biệt, luôn chú trọng vào công tác an toàn và cải thiện môi trường làm việc cho người lao động. Duy trì tốt các công tác phong trào, đoàn thể, cộng đồng, an sinh xã hội, vv...

Với tinh thần vượt khó, toàn thể CBCNV IMECO phấn đấu về mọi mặt để hoàn thành tốt kế hoạch SXKD năm 2017 đề ra.



BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- **Đánh giá về các mặt hoạt động của công ty**
- **Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**
- **Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị**

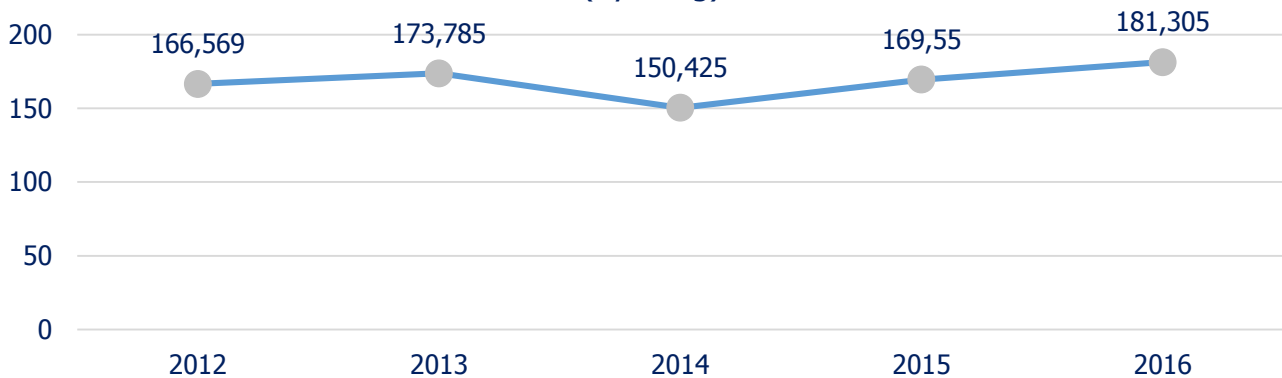




ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

STT	Chi tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	166.569	173.785	150.425	169.550	181.305
	- Doanh thu xuất khẩu	Triệu đồng	126.370	138.191	126.754	117.875	163.257
	- Doanh thu nội địa	Triệu đồng	39.160	34.824	23.412	50.550	17.546
	- Doanh thu HĐTC	Triệu đồng	1.039	770	259	1.125	502
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	12.320	13.464	13.536	13.849	14.146
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	9.794	10.088	10.331	10.857	11.146
4	Tỷ lệ chia cổ tức	%	15	16	17	37	17
5	Thu nhập bình quân (người/tháng)	1.000đ	6.900	7.557	8.165	9.300	10.800

Thay đổi doanh thu qua các năm
(Tỷ đồng)





Năm 2016, kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng đã đối mặt với nhiều khó khăn khi nền kinh tế phục hồi chậm hơn dự báo đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu tiêu dùng đối với các mặt hàng do IMECO sản xuất. Tuy nhiên việc hội nhập kinh tế trong những năm qua đã giúp cho số lượng đơn hàng xuất khẩu của Công ty có sự gia tăng, hoạt động xuất khẩu trong năm đã đạt được thành công hơn dự kiến. Doanh thu năm nay đạt mức 181,305 tỷ đây là mức cao nhất trong vòng 05 năm trở lại đây, đồng thời lợi nhuận sau thuế tăng từ 10,92 tỷ lên 11,15 tỷ đồng.

Với sự nỗ lực không ngừng của toàn thể cán bộ công nhân viên và việc luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của HĐQT, Ban Điều hành, các ban ngành và chính quyền, IMECO đã có được kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 tốt, không những hoàn thành mức kế hoạch đã đề ra mà còn có sự gia tăng so với năm trước đó. Về tổng quan, các chỉ tiêu: Tổng doanh thu, lợi nhuận, tỷ lệ chia cổ tức và thu nhập bình quân của người lao động đều có sự tăng trưởng tốt vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Với những kết quả kinh doanh đạt được, đây được xem là một năm hoạt động thành công của IMECO.



ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thực hiện theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, Hội đồng quản trị luôn theo sát và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện đúng theo kế hoạch đã thông qua. Theo đó, tổng quan trong năm 2016, Ban Tổng Giám đốc luôn bám sát phương hướng nhiệm vụ để đảm bảo kế hoạch kinh doanh của Công ty đạt kỳ vọng, mặc dù gặp một số khó khăn nhưng Công ty vẫn hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT đều được Ban Tổng Giám đốc triển khai đúng đắn và phù hợp với tình hình thực tế

HĐQT đánh giá cao những cống hiến của Ban Tổng Giám đốc, từng thành viên đã hoạt động đúng chức năng và nhiệm vụ của mình, cùng đồng hành chỉ đạo giám sát hoạt động của toàn thể CBCNV mang lại kết quả kinh doanh liên tục có sự tăng trưởng bền vững trong suốt những năm qua.



KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ❶ Căn cứ vào tình hình hoạt động của công ty trong năm qua, Hội đồng quản trị IMECO lên kế hoạch xây dựng chương trình hoạt động như sau:
- ❷ Tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo người lao động có việc làm thường xuyên;
- ❸ Xúc tiến làm việc với một số đối tác có mong muốn đầu tư và mua lại cổ phần IMECO để phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh;
- ❹ Chú trọng công tác quản lý phát triển nguồn nhân lực thông qua công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật, từng bước trở thành Công ty hàng đầu trong cơ chế quản lý các sản phẩm cơ khí đạt tiêu chuẩn Quốc tế.
- ❺ Các chỉ tiêu cụ thể phấn đấu đạt được trong năm 2017:

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017	So sánh (%)
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	181.305	190.556	105,10
	Trong đó: Doanh thu XK	Tỷ đồng	163.257	171.650	105,14
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	14.146	14.520	102,64
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	11.147	11.616	104,21
4	Kim ngạch xuất khẩu	1.000USD	7.315	7.595	103,83
5	Kim ngạch nhập khẩu	1.000USD	23	100	434,78
6	Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng	5.160	5.000	96,90
7	Cổ tức	%	17	17	100,00







BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- **Về kinh tế**
- **Về xã hội**
- **Về môi trường – năng lượng**



VỀ KINH TẾ

Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp hoạt động với mục tiêu huy động và sử dụng vốn có hiệu quả đối với các lĩnh vực sản xuất kinh doanh trong phạm vi pháp luật cho phép nhằm tối đa hóa lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, góp phần đóng góp ngân vào sách Nhà nước từ đó tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế khu vực Tp. Hồ Chí Minh và cả nước.

Ngay từ thời điểm thành lập, IMECO đã luôn cố gắng hoạt động vì lợi ích kinh tế đó. Kết quả cho thấy mặc dù còn gặp phải những khó khăn nhất định, nhưng về cơ bản công ty đã hoàn thành tốt các mục tiêu trên qua đó liên tục có sự tăng trưởng trong những năm gần đây. Ban lãnh đạo cùng các cán bộ công nhân viên đã luôn cố gắng nỗ lực không ngừng hoàn thành các kế hoạch đề ra. Kết quả kinh doanh những năm gần đây là minh chứng cho sự nỗ lực đó.

Tiêu chí	Giá trị mang lại trong năm 2016
Kết quả hoạt động	Doanh thu thuần: 180,80 tỷ đồng; LNST: 11,15 tỷ đồng
Cổ đông	Cổ tức năm 2015 được chi trả bằng tiền mặt trong năm 2016 với tỷ lệ 37%. Cổ tức năm 2016 dự kiến sẽ được chi trả bằng tiền mặt trong năm 2017 đúng như kế hoạch với tỷ lệ 17%.
Nợ ngân sách	Tổng khoản nợ ngân sách năm 2016 bằng 6,77 tỷ đồng
Người lao động	Thu nhập bình quân 2016 là 10,8 triệu đồng/người/tháng





VỀ MÔI TRƯỜNG – NĂNG LƯỢNG

Trong quá trình hoạt động, IMECO luôn thường xuyên chú ý đánh giá tác động của mình đối với môi trường dưới sự giám sát của cơ quan chức năng để sớm có những biện pháp khắc phục kịp thời khi có bất kỳ chỉ tiêu nào vượt mức. Thực hiện xử lý chất thải công nghiệp theo quy định, tiết kiệm nguồn năng lượng trong sản xuất.

Việc quản lý nguyên vật liệu là công tác rất cần thiết đối với các doanh nghiệp sản xuất. Tuy nhiên, do trình độ sản xuất khác nhau nên phạm vi, mức độ và phương pháp quản lý nguyên vật liệu có sự khác nhau ở các doanh nghiệp. Làm thế nào để cùng một khối lượng nguyên vật liệu có thể sản xuất ra nhiều sản phẩm nhất thoả mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng chính là mục tiêu mà IMECO luôn cố gắng thực hiện. Trong những năm qua, công tác quản lý nguyên vật liệu tại công ty được đánh giá tốt, các bộ phận nghiệp vụ liên quan đã đạt được sự hiệu quả từ công tác thu mua đến quản lý sử dụng, hạn chế được sự thất thoát và tiết kiệm chi phí hoạt động.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, nguồn năng lượng mà công ty sử dụng chủ yếu là điện và nước. Năm 2016, IMECO đã sử dụng 1.431.040 KW điện năng cho tất cả các hoạt động sản xuất tại Nhà máy và khối văn phòng. Về nguồn nước, công ty đang sử dụng nước từ Nhà máy đóng tại địa bàn Thủ Đức do Công ty cổ phần cấp nước Thủ Đức cung cấp, đối với trụ sở chính tại địa bàn quận 12 công ty chủ yếu sử dụng nguồn nước giếng, trong năm 2016 tổng lượng nước sử dụng là 1.150 m³. Khi xây dựng kế hoạch hoạt động kinh doanh, IMECO luôn chú ý đề ra các mục tiêu sử dụng điều độ và hợp lý các nguồn năng lượng này góp phần vào việc sử dụng có hiệu quả tài nguyên quốc gia, tiết kiệm chi phí hoạt động. Trong năm công ty không bị xử phạt do vi phạm các quy định về môi trường.



VỀ XÃ HỘI

Chính sách liên quan đến người lao động

Chính sách với người lao động luôn được ban lãnh đạo công ty đặc biệt quan tâm và thực hiện nghiêm túc, đảm bảo mọi quyền lợi cho người lao động theo "Thỏa ước lao động tập thể" hàng năm đã được ký kết giữa chính quyền với Công đoàn.

Đảm bảo 100% người lao động được ký hợp đồng lao động, có việc làm ổn định, được công ty mua BHXH, BHYT, BHTN và bảo hiểm tai nạn đầy đủ theo quy định của pháp luật. Các chế độ như nghỉ phép, nghỉ lễ, nghỉ Tết, tiền ăn giữa cà, bồi dưỡng hiện vật được công ty chăm lo đầy đủ cho người lao động

Người lao động ốm đau, gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn đều được Công ty phối hợp với Công đoàn tổ chức thăm hỏi, trợ cấp khó khăn đột xuất hoặc kêu gọi toàn thể CBCNV Công ty đóng góp giúp đỡ những hoàn cảnh quá quá khó khăn như bệnh tật, neo đơn vv...

Công ty luôn chú trọng trang bị bảo hộ đầy đủ cho công nhân khi tham gia vào hoạt động sản xuất, tổ chức khám sức khỏe định kỳ hằng năm, bồi dưỡng sức khỏe cho người lao động bằng hiện vật; tổ chức tham quan du lịch nhằm khuyến khích người lao động, nhằm nâng cao hiệu quả công việc, tăng năng suất lao động.

Trong năm, Công ty đã triển khai một số khóa đào tạo cho CBCNV như cấp chứng chỉ nghề và thi nâng bậc cho công nhân, nâng cao kỹ năng và trình độ tay nghề, huấn luyện về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và sơ cấp cứu.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công tác xã hội, cộng đồng cũng được công ty chú trọng và thực hiện tốt: Hàng năm công ty trích một phần kinh phí từ quỹ phúc lợi và vận động toàn thể CBCNV trích một khoản tiền lương để lập quỹ ủng hộ cho công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn; ủng hộ quỹ vì người nghèo cho 2 phường Thới An quận 12 và phường Linh Tây, quận Thủ Đức mỗi phường 10 triệu đồng; ủng hộ thiên tai bão lụt miền Trung là 59 triệu đồng, hỗ trợ cho công nhân viên công ty có nhà ở trong vùng bị bão lũ là 18 triệu đồng...





QUẢN TRỊ CÔNG TY



- **Hoạt động của Hội đồng quản trị**
- **Hoạt động của Ban kiểm soát**
- **Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích**



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các tiểu ban thuộc HĐQT

Không có

Hoạt động của HĐQT

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị đã có 06 cuộc họp với các nội dung sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Bùi Quang Hải	Chủ tịch nhiệm kỳ 2	02/06	33%	
2	Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên nhiệm kỳ 2	02/06	33%	
3	Ông Nguyễn Cao Hoảng	Thành viên nhiệm kỳ 2	02/06	33%	
4	Ông Đới Văn Lâm	Thành viên nhiệm kỳ 2	02/06	33%	
5	Ông Đoàn Minh Toàn	Chủ tịch nhiệm kỳ 3	04/06	67%	
6	Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên nhiệm kỳ 2 và 3	06/06	100%	
7	Ông Trần Đức Hòa	Thành viên nhiệm kỳ 3	04/06	67%	
8	Bà Nguyễn Thị Loan	Thành viên nhiệm kỳ 3	04/06	67%	
9	Ông Nguyễn Ngọc Hạnh	Thành viên nhiệm kỳ 3	04/06	67%	

Hội đồng quản trị thực hiện tốt việc giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện các Nghị quyết, chủ trương của Đại hội cổ đông. Hội đồng quản trị.

Kiểm tra việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Tổng Giám đốc cùng các Giám đốc điều hành đã chủ động trong việc xây dựng và triển khai kế hoạch SXKD, đảm bảo việc thực hiện theo đúng kế hoạch mà Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2016 đã đề ra.



Các nghị quyết và quyết định trong năm 2016 của HĐQT

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	03/NQ -HĐQT	04/01/2016	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2015 với tỷ lệ 20%. 1. Thông qua tình hình thực hiện SXKD, đầu tư, công nợ năm 2015 và kế hoạch năm 2016. 2. Thông qua việc chuẩn bị tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2016. 3. Thông qua việc đàm phán với các đối tác muốn mua cổ phần IMECO sẽ hoàn tất việc chuyển nhượng trong tháng 3 trước khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 diễn ra. Khi đàm phán phải có sự tham gia của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cán bộ điều hành về tài chính và hành chính nhân sự, Chủ tịch Công đoàn Công ty.
2	23/NQ -HĐQT	19/01/2016	4. Thông qua phê duyệt đầu tư xây dựng nhà kho và nhà nghỉ công nhân theo Tờ trình số 21 ngày 18/01/2016 của Tổng Giám đốc với giá trị 1.744.076.850 đồng do IMECO tự làm.
3	23a/QĐ -HĐQT	19/01/2016	Phê duyệt đầu tư nhà kho & nhà nghỉ công nhân.
4	49/NQ -HĐQT	19/02/2016	Tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2015 với tỷ lệ 17%. 1. Thông qua báo cáo thực hiện SXKD, đầu tư, công nợ Quý 1/2016 và kế hoạch Quý 2/2016.
5	78/NQ -HĐQT	25/03/2016	2. Thông qua tài liệu chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông năm 2016.
6	105/NQ -HĐQT	27/04/2016	Dự kiến lấy ngày 18/06/2016 để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp. 1. Thông qua Báo cáo thực hiện SXKD năm 2015 và kế hoạch SXKD năm 2016. 2. Thông qua Báo cáo công tác quản lý, giám sát năm 2015 và chương trình hoạt động năm 2016 của Hội đồng quản trị.
7	150/NQ-ĐHCD	25/06/2016	3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát, thẩm định hoạt động tài chính và công tác kiểm tra, kiểm soát năm 2015. 4. Thông qua báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía Nam.



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			<ul style="list-style-type: none"> 5. Thông qua Báo cáo thực hiện SXKD năm 2015 và kế hoạch SXKD năm 2016. 6. Thông qua Báo cáo công tác quản lý, giám sát năm 2015 và chương trình hoạt động năm 2016 của Hội đồng quản trị. 7. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát, thẩm định hoạt động tài chính và công tác kiểm tra, kiểm soát năm 2015. 8. Thông qua báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía Nam. 9. Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty.
7	150/NQ - ĐHCĐ	25/06/2016	<ul style="list-style-type: none"> 10. Thông qua Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2015. 11. Thông qua kế hoạch tài chính năm 2016. 12. Thông qua phê duyệt thù lao của Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát trích thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận 2016. 13. Thông qua danh sách trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016 – 2021. 14. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tất cả các cổ đông Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý cùng toàn thể công nhân viên của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.
8	156/NQ - HĐQT	30/06/2016	Thông qua biệc bầu Ông Đoàn Minh Toàn đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp nhiệm kỳ 3 (2016 – 2021).
9	210a/QĐ-HĐQT	01/10/2016	Liên quan đến các giao dịch tín dụng tại Ngân hàng.
10	222/NQ- HĐQT	20/10/2016	<ul style="list-style-type: none"> 1. Thông qua báo cáo kết quả thực hiện SXKD 9 tháng đầu năm 2016 và biện pháp tổ chức thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD đến cuối năm 2016. Báo cáo công tác chuẩn bị xây dựng kế hoạch SXKD năm 2017.



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			<p>2. Thông qua phân công nhiệm vụ các thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016 -2021 cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ☉ Ông Đoàn Minh Toàn – Chủ tịch HĐQT: Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐQT được ghi trong Điều lệ và Quy chế hoạt động của Công ty. Chủ trì và điều hành chung các công việc chính của Công ty. Chỉ đạo và giám sát chiến lược phát triển của Công ty. Ký các văn bản pháp lý, phân cấp và phê duyệt công việc cho Ban Tổng giám đốc Công ty. ☉ Ông Nguyễn Thành Trung – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc: Chịu trách nhiệm về sản xuất kinh doanh, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ. Ký kết các Hợp đồng kinh tế, chịu trách nhiệm về hoạt động theo phân cấp phân quyền.
10	222/NQ- HĐQT	20/10/2016	<ul style="list-style-type: none"> ☉ Ông Trần Đức Hòa – Thành viên thường trực HĐQT: Chịu trách nhiệm xem xét các Tờ trình và hợp đồng kinh tế (theo phân cấp của HĐQT) trước khi đưa ra HĐQT phê duyệt. Chịu trách nhiệm giám sát về công tác tài chính, tài sản của Công ty. ☉ Bà Nguyễn Thị Loan – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc điều hành: Chịu trách nhiệm về công tác quản lý lao động – Tiền lương và thị trường xuất khẩu của Công ty. Ký các hợp đồng kinh tế theo phân cấp của HĐQT. ☉ Ông Nguyễn Ngọc Hạnh – Thành viên HĐQT: Chịu trách nhiệm giám sát công tác đầu tư và khai thác thị trường nội địa liên quan đến các công trình thuộc Công ty rượu, bia, nước giải khát
			<p>3. Thông qua việc triển khai hoạt động của Hội đồng quản trị trong thời gian tới</p>
11	243/QĐ - HĐQT	11/11/2016	Bổ nhiệm lại chức vụ Kế toán trưởng đối với bà Nguyễn Thị Long Châu
12	284/NQ - HĐQT	29/12/2016	Thông qua báo cáo kết quả thực hiện SXKD năm 2016, xây dựng kế hoạch SXKD năm 2017 trên cơ sở các chỉ tiêu của kết quả kinh doanh năm 2016.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ về quản trị công ty: Không có



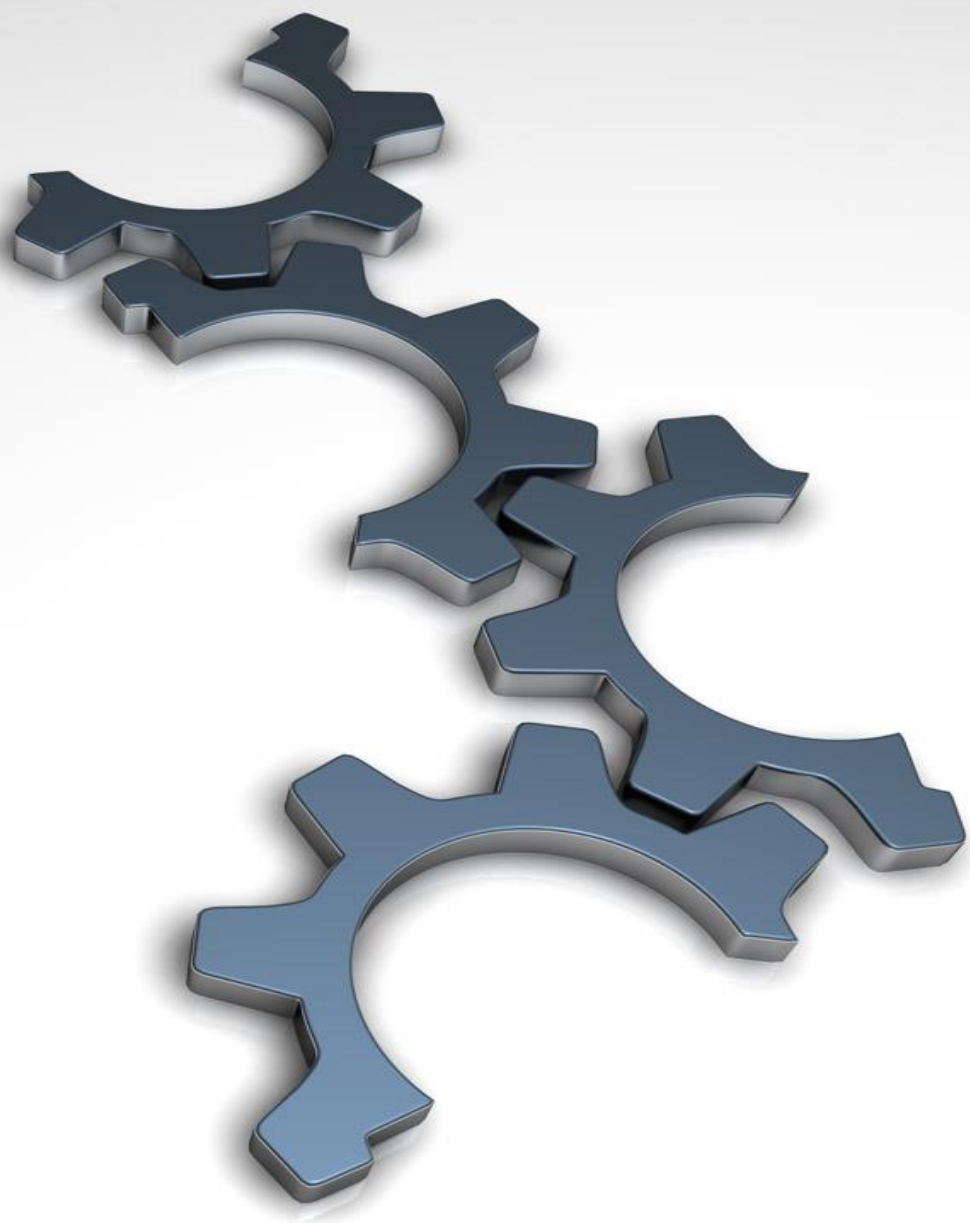


HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2016, Ban kiểm soát đã tiến hành các hoạt động sau:

- Tiếp tục thực hiện cơ chế kiểm soát thông qua vị trí công tác sau đó báo cáo hàng tháng vào ngày 5 - 10, Trưởng Ban kiểm soát sẽ tổng hợp các kết quả kiểm soát để ra báo cáo công tác gửi đến HĐQT và Ban điều hành. Việc thực hiện báo cáo đảm bảo đúng tiến độ và chính xác.
- Thực hiện họp định kỳ 1 lần vào tháng 9/2016 để kiểm điểm việc thực hiện công tác theo hướng dẫn của Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính về Quy định về quản trị công ty cho các Công ty đại chúng.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, cuộc họp cùng các đối tác có ý định mua cổ phiếu IMECO, ... Trên cơ sở các cuộc họp trên HĐQT có các quyết định thông qua kế hoạch SXKD 2017, thông qua các báo cáo trình ĐHCĐ bất thường 2016 và ĐHCĐ 2017, KHĐT 2017, triển khai thực hiện NQĐHCĐ, thông qua việc thực hiện kế hoạch từng quý, Ban Kiểm soát cũng thực hiện chức năng của ban trong các khuyến nghị để thực hiện đúng các quy định của Điều lệ của Công ty. Ban kiểm soát đánh giá HĐQT đã hiện đúng chức năng lãnh đạo và kiểm tra thực hiện kịp thời, các quyết định phù hợp với tình hình thực tế và phù hợp với các quy định, tạo cơ chế làm việc phối hợp tốt giữa HĐQT, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát. Đối với các cuộc họp của Ban Điều hành, thông qua các thành viên Ban Kiểm soát dự họp trực tiếp có ý kiến cho công tác kiểm tra phù hợp với chức năng nhiệm vụ của mình. Các hoạt động của Ban Kiểm soát được HĐQT cũng như ban Điều hành tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện và các kiến nghị của Ban Kiểm soát cũng được HĐQT và ban Điều hành thực hiện hoặc khắc phục.
- Trên cơ sở các báo cáo hàng tháng của Ban Kiểm soát và tại các cuộc họp của HĐQT Ban Kiểm soát có những kiến nghị, đánh giá cho các hoạt động, việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT của ban Điều hành và góp ý trực tiếp với các ý kiến độc lập đối với HĐQT.







CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Thù lao, lương, thưởng và các khoản lợi ích

Năm 2016, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2016.

Hội đồng quản trị

- Chủ tịch : 90.000.000 đồng/năm
- Thành viên : 54.000.000 đồng/năm

Ban kiểm soát

- Trưởng ban : 54.000.000 đồng/năm
- Thành viên : 36.000.000 đồng/năm

Ngoài ra, lương thưởng của Ban Điều hành cũng được thực hiện theo quy chế trả lương, thưởng của Công ty với tổng giá trị trong năm bằng 4.442.741.996 đồng.

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có

Việc thực hiện quy định về quản trị công ty

Việc quản trị công ty được thực hiện theo quy định của Pháp luật và các thông lệ tốt mà Công ty cho rằng phù hợp với tình hình thực tiễn của mình.



Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Bùi Quang Hải	Chủ tịch HĐQT	252.097	7,00	0	0	Bán 252.097 CP
2	Đặng Anh Tuấn	Giám đốc ĐH	25.907	0,72	0	0	Bán 25.907 CP
3	Nguyễn Thị Loan	Giám đốc ĐH	42.980	1,19	0	0	Bán 42.980 CP
4	Nguyễn Thị Long Châu	Giám đốc ĐH	52.134	1,45	0	0	Bán 52.134 CP
5	Ngô Hồng Sơn	Giám đốc ĐH	29.393	0,82	0	0	Bán 29.393 CP
6	Nguyễn Văn Lớn	Thành viên BKS	12.000	0,33	0	0	Bán 12.000 CP
7	Hà Ngọc Long	Thành viên BKS	10.475	0,29	0	0	Bán 10.475 CP
8	Bùi Trần Anh	NCLQ với CT.HĐQT	72.000	2,00	0	0	Bán 72.000 CP
9	Bùi Quỳnh Hoa	NCLQ với CT.HĐQT	72.000	2,00	0	0	Bán 72.000 CP
10	Nguyễn Văn Toàn	NCLQ với TGD	14.656	0,41	0	0	Bán 14.656 CP
11	Nguyễn Thị Lương	NCLQ với TGD	10.036	0,28	0	0	Bán 10.036 CP
12	Nguyễn Châu Phong	NCLQ với GĐĐH	3.285	0,09	0	0	Bán 3.285 CP
13	Nguyễn Thị Ngải	NCLQ với GĐĐH	6.388	0,18	0	0	Bán 6.388 CP
14	Nguyễn Quốc Tuấn	NCLQ với GĐĐH	2.584	0,07	0	0	Bán 2.584 CP
15	Vũ Thị Hoa	NCLQ (vợ) CT.HĐQT nhiệm kỳ 2016 - 2021	5.832	0,16	283.432	7,87	Mua 277.600 CP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH





BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ Khí và Xây Lập Công Nghiệp (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Khái quát

Công ty Cổ phần Cơ Khí và Xây Lập Công Nghiệp là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo quyết định số 2385/QĐ-TCCB ngày 22/07/2005 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4103004265 ngày 16/01/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận sửa đổi bổ sung kèm theo.

Hoạt động chính của Công ty là: Chế tạo các sản phẩm cơ khí, máy móc thiết bị công nghiệp, thiết bị chế biến thực phẩm, thiết bị xử lý môi trường, lò hơi, thiết bị áp lực và đường ống công nghệ. Lắp đặt máy móc. Xây dựng dân dụng và công nghiệp. Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp...

Trụ sở chính của Công ty tại số 929 – 931 Quốc lộ 1A, phường Thới An, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng quản trị

Ông Đoàn Minh Toàn	Chủ tịch (từ ngày 30/06/2016)
Ông Bùi Quang Hải	Chủ tịch (đến ngày 25/06/2016)
Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Hạnh	Thành viên (từ ngày 25/06/2016)
Ông Trần Đức Hòa	Thành viên (từ ngày 25/06/2016)
Bà Nguyễn Thị Loan	Thành viên (từ ngày 25/06/2016)
Ông Nguyễn Cao Hoàng	Thành viên (đến ngày 25/06/2016)
Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên (đến ngày 25/06/2016)
Ông Đới Văn Lân	Thành viên (đến ngày 25/06/2016)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thành Trung	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Loan	Giám đốc điều hành
Ông Đặng Anh Tuấn	Giám đốc điều hành
Ông Ngô Hồng Sơn	Giám đốc điều hành
Bà Nguyễn Thị Long Châu	Kế toán trưởng

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Sơn	Trưởng ban (từ ngày 30/06/2016)
Ông Huỳnh Phước Năng	Trưởng ban (đến ngày 25/06/2016)
Bà Vũ Thanh Phương	Thành viên (từ ngày 25/06/2016)
Ông Đinh Văn Hạnh	Thành viên (từ ngày 25/06/2016)
Ông Nguyễn Văn Lôn	Thành viên (đến ngày 25/06/2016)
Ông Hà Ngọc Long	Thành viên (đến ngày 25/06/2016)



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.


Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cơ Khí và Xây Lập Công Nghiệp phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2016 của Công ty được trình bày từ trang 06 đến trang 29 kèm theo

Thay mặt Hội đồng Quản trị



(Handwritten signature)

Đoàn Minh Toàn
Chủ tịch

Ngày 08 tháng 03 năm 2017

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thành Trung
Tổng Giám đốc

Số: 87/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ Khí và Xây Lắp Công Nghiệp

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ Khí và Xây Lắp Công Nghiệp, được lập ngày 25/02/2017, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ Khí và Xây Lắp Công Nghiệp tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cơ Khí và Xây Lắp Công Nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Phía Nam kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần theo Báo cáo kiểm toán số 76/BCKT-TC/2016/AASCS ngày 10 tháng 03 năm 2016.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**



Nguyễn Thị Lan

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0167-2013-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2017

Kiểm toán viên

Nguyễn Anh Tuấn

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1559-2013-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		159.145.627.569	89.820.917.461
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	16.121.351.903	18.535.387.289
1. Tiền	111		16.121.351.903	18.535.387.289
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35.690.517.061	39.496.866.259
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	34.237.556.385	38.861.486.221
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	881.912.571	247.307.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	571.048.105	388.073.038
III. Hàng tồn kho	140	V.5	100.237.272.999	18.610.736.661
1. Hàng tồn kho	141		100.237.272.999	18.610.736.661
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.096.485.606	13.177.927.252
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	891.172.465	626.572.860
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.613.564.568	10.169.032.790
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.11b	2.591.748.573	2.382.321.602
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		14.167.025.362	14.859.495.213
I. Tài sản cố định	220		14.062.560.362	13.137.816.349
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	14.027.838.139	13.019.760.793
- Nguyên giá	222		72.841.758.915	68.243.901.326
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(58.813.920.776)	(55.224.140.533)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	34.722.223	118.055.556
- Nguyên giá	228		855.948.500	855.948.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(821.226.277)	(737.892.944)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	1.508.001.364
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	1.508.001.364
III. Tài sản dài hạn khác	260		104.465.000	213.677.500
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	104.465.000	213.677.500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		173.312.652.931	104.680.412.674

N. O. T. I. T. A. N.



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		124.908.763.067	63.016.704.946
I. Nợ ngắn hạn	310		121.910.184.170	56.143.441.959
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	8.712.795.219	3.167.202.179
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	89.278.192.874	15.332.818.622
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11a	1.003.130.004	2.924.927.643
4. Phải trả người lao động	314		12.505.894.982	16.901.329.037
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.300.000	
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.12	5.668.067.005	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	908.749.587	14.184.915.986
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.831.054.499	3.632.248.492
II. Nợ dài hạn	330		2.998.578.897	6.873.262.987
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.14	2.998.578.897	6.873.262.987
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		48.403.889.864	41.663.707.728
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	48.403.889.864	41.663.707.728
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		35.999.480.000	35.999.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		35.999.480.000	35.999.480.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.141.992.759	3.469.994.811
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.262.417.105	2.194.232.917
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		2.194.232.917	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		5.068.184.188	2.194.232.917
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		173.312.652.931	104.680.412.674

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quý

Ngày 25 tháng 02 năm 2017

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Long Châu

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thành Trung

21/ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TP.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	180.803.252.908	168.459.927.601
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	35.183.330
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	180.803.252.908	168.424.744.271
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	149.595.573.534	130.741.635.482
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		31.207.679.374	37.683.108.789
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	501.856.662	349.053.370
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	58.040.657	88.075.867
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		58.040.657	88.075.867
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7	(1.122.898.341)	4.188.277.032
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	18.810.524.052	20.272.590.367
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.963.869.668	13.483.218.893
11. Thu nhập khác	31	VI.9	377.320.638	392.561.217
12. Chi phí khác	32	VI.10	194.905.693	26.786.667
13. Lợi nhuận khác	40		182.414.945	365.774.550
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.146.284.613	13.848.993.443
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	2.999.631.625	2.991.711.949
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.146.652.988	10.857.281.494
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	1.872	2.121

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quý

Ngày 25 tháng 02 năm 2017

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Long Châu

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thành Trung

14-C
Y
TỪ
VÁI
TO
OÁN
ÉT
CH



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	156.468.848.552	196.387.659.084
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(86.541.742.589)	(117.154.280.683)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(48.744.259.180)	(47.462.962.363)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(58.040.657)	(88.075.867)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(4.653.469.472)	(3.285.877.667)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	-	1.481.336.672
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2.344.440.737)	(9.104.210.379)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	14.126.895.917	20.773.588.797
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(3.652.122.321)	(7.071.420.404)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	148.909.091	200.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, lợi nhuận được chia	27	105.825.057	101.350.605
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.397.388.173)	(6.770.069.799)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	7.303.013.744	14.280.266.578
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(7.303.013.744)	(14.280.266.578)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(13.143.543.130)	(6.156.991.475)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(13.143.543.130)	(6.156.991.475)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(2.414.035.386)	7.846.527.523
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	18.535.387.289	10.688.859.766
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	16.121.351.903	18.535.387.289

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quý

Ngày 25 tháng 02 năm 2017

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Long Châu

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thành Trung



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Cơ Khí và Xây Lắp Công Nghiệp là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo quyết định số 2385/QĐ-TCCB ngày 22/07/2005 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4103004265 ngày 16/01/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận sửa đổi bổ sung kèm theo.

Trụ sở chính của Công ty tại số 929 – 931 Quốc lộ 1A, phường Thới An, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, dịch vụ và xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là Chế tạo các sản phẩm cơ khí, máy móc thiết bị công nghiệp, thiết bị chế biến thực phẩm, thiết bị xử lý môi trường, lò hơi, thiết bị áp lực và đường ống công nghệ. Lắp đặt máy móc. Xây dựng dân dụng và công nghiệp. Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính; Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh. Mức trích dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà xưởng và vật kiến trúc	10-20 năm
- Máy móc thiết bị	5-10 năm
- Phương tiện vận tải	6-10 năm
- Thiết bị quản lý	3-5 năm
- Phần mềm quản lý	3 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức là lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty sẽ được chia cho các cổ đông, cổ tức được ghi nhận theo đề nghị của Hội đồng quản trị trong việc phân phối lợi nhuận trình Đại hội cổ đông.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

13. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp. Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

18. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác

19. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	272.409.484	505.316.866
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.848.942.419	18.030.070.423
Cộng	16.121.351.903	18.535.387.289

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
AAF International LTD	8.098.735.936	1.598.178.750
Nem Power Systems	19.742.183.525	32.877.983.111
Phải thu khách hàng khác	6.396.636.924	4.385.324.360
Cộng	34.237.556.385	38.861.486.221

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty TNHH cơ khí môi trường Hóa Trần	-	118.800.000
Công ty TNHH Ngôi Sao Biển	269.427.451	-
Công ty TNHH Hải Đông	227.403.000	-
Công ty TNHH Phương Nam Nguyễn	308.533.300	-
Trả trước cho người bán khác	76.548.820	128.507.000
Cộng	881.912.571	247.307.000

4. Phải thu khác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác		
Tạm ứng	181.899.962	96.028.024
Phải thu về bảo hiểm xã hội	256.467.945	121.804.378
Phải thu khác	132.680.198	170.240.636
Cộng	571.048.105	388.073.038



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	17.009.235.195	-	9.010.348.765	-
Công cụ, dụng cụ	898.679.423	-	1.356.653.877	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	82.329.358.381	-	7.936.928.224	-
Hàng hóa	-	-	306.805.795	-
Cộng	100.237.272.999	-	18.610.736.661	-

6. Chi phí trả trước

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	891.172.465	626.572.860
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	891.172.465	626.572.860
b) Chi phí trả trước dài hạn	104.465.000	213.677.500
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	104.465.000	213.677.500
Cộng	995.637.465	840.250.360

TÀI CHÍNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	15.817.214.419	47.487.133.934	4.400.845.213	538.707.760	68.243.901.326
Số tăng trong năm	1.256.252.664	3.691.271.021	-	212.600.000	5.160.123.685
- Mua trong năm	-	3.691.271.021	-	212.600.000	3.903.871.021
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.256.252.664	-	-	-	1.256.252.664
Số giảm trong năm	-	432.674.381	-	129.591.715	562.266.096
- Thanh lý, nhượng bán	-	377.934.381	-	129.591.715	507.526.096
- Giảm khác	-	54.740.000	-	-	54.740.000
Số dư cuối năm	17.073.467.083	50.745.730.574	4.400.845.213	621.716.045	72.841.758.915
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	14.246.456.314	37.661.900.266	3.043.136.178	272.647.775	55.224.140.533
Số tăng trong năm	690.237.730	2.793.568.024	518.249.295	124.870.110	4.126.925.159
- Khấu hao trong năm	690.237.730	2.793.568.024	518.249.295	124.870.110	4.126.925.159
Số giảm trong năm	-	407.553.201	-	129.591.715	537.144.916
- Thanh lý, nhượng bán	-	352.813.201	-	129.591.715	482.404.916
- Giảm khác	-	54.740.000	-	-	54.740.000
Số dư cuối năm	14.936.694.044	40.047.915.089	3.561.385.473	267.926.170	58.813.920.776
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.570.758.105	9.825.233.668	1.357.709.035	266.059.985	13.019.760.793
Tại ngày cuối năm	2.136.773.039	10.697.815.485	839.459.740	353.789.875	14.027.838.139

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 45.057.138.177 đồng (tại ngày 31/12/2015 là 36.373.064.732 đồng)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Đơn vị tính: VND
	Phần mềm máy tính
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	855.948.500
Số tăng trong năm	-
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	855.948.500
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	737.892.944
Khấu hao trong năm	83.333.333
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	821.226.277
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	118.055.556
Tại ngày cuối năm	34.722.223

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Nam Hòa	666.860.494	881.850.416
Công ty TNHH King's Grating	-	675.419.382
Công ty CP Tập đoàn thép Tiên Lên	2.156.070.299	-
Công ty CP Thép Toàn Thắng	1.229.830.517	-
Công ty TNHH Thương mại thép Nam Việt	1.041.988.517	-
Phải trả người bán khác	3.618.045.392	1.609.932.381
Cộng	8.712.795.219	3.167.202.179

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
ANDRITZ	6.537.890.374	6.565.198.540
AAF (Wuhan) Co,LTD	8.870.485.556	8.732.814.052
Joint Venture SRBG-VNG ANS	3.892.694.879	-
Nem Power Systems	65.869.722.065	-
Công ty TNHH Yokohama Tyre Việt Nam	4.107.400.000	-
Người mua trả tiền trước khác	-	34.806.030
Cộng	89.278.192.874	15.332.818.622

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu nhà nước

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
a) Thuế phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	231.000.000	231.000.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.488.220.221	2.999.631.625	4.653.469.472	834.382.374
Thuế thu nhập cá nhân	229.492.862	1.100.024.239	1.160.769.471	168.747.630
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	207.214.560	1.070.815.350	1.278.029.910	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	2.924.927.643	5.405.471.214	7.327.268.853	1.003.130.004
b) Thuế phải thu				
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	27.025.439	27.025.439	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	2.355.296.163	1.364.908.105	1.601.360.515	2.591.748.573
Cộng	2.382.321.602	1.391.933.544	1.601.360.515	2.591.748.573

12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Doanh thu chưa thực hiện bán thành phẩm	5.668.067.005	-
Cộng	5.668.067.005	-

13. Phải trả khác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải trả ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	328.396.677	249.652.463
Cổ tức phải trả	496.696.705	13.640.239.835
Phải trả về cổ phần hóa	15.966.400	15.966.400
Phải trả khác	67.689.805	279.057.288
Cộng	908.749.587	14.184.915.986

14. Dự phòng phải trả dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Dự phòng bảo hành sản phẩm	2.998.578.897	6.873.262.987
Cộng	2.998.578.897	6.873.262.987



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

15. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	35.999.480.000	11.147.990.718	1.148.951.051	48.296.421.769
Lãi trong năm trước			10.857.281.494	10.857.281.494
Tăng khác			8.357.505.017	8.357.505.017
Chia cổ tức			(13.319.807.600)	(13.319.807.600)
Trích các quỹ năm 2015		1.628.592.224	(4.342.912.597)	(2.714.320.373)
Thù lao HĐQT và BKS năm 2015			(432.000.000)	(432.000.000)
Chi thường vượt kế hoạch 2015			(74.784.448)	(74.784.448)
Giảm khác		(9.306.588.131)	-	(9.306.588.131)
Số dư cuối năm trước	35.999.480.000	3.469.994.811	2.194.232.917	41.663.707.728
Lãi trong năm nay			11.146.652.988	11.146.652.988
Tạm trích các quỹ năm 2016		1.671.997.948	(5.573.326.494)	(3.901.328.546)
Thù lao HĐQT và BKS năm 2016			(432.000.000)	(432.000.000)
Tạm trích thường vượt kế hoạch 2016			(73.142.306)	(73.142.306)
Số dư cuối năm nay	35.999.480.000	5.141.992.759	7.262.417.105	48.403.889.864

Ghi chú: Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết số 150/NQ-DHCD ngày 25/06/2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2016	%	01/01/2016	%
	VND		VND	
Công ty TNHH MTV Cơ khí Sabeco	9.360.000.000	26	9.360.000.000	26
Vốn góp của các đối tượng khác	26.639.480.000	74	26.639.480.000	74
Cộng	35.999.480.000	100	35.999.480.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	35.999.480.000	35.999.480.000
Vốn góp cuối năm	35.999.480.000	35.999.480.000
Cổ tức đã chia	-	(13.319.807.600)
- Chia cổ tức năm nay	-	(13.319.807.600)

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.599.948	3.599.948
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.599.948	3.599.948
- Cổ phiếu phổ thông	3.599.948	3.599.948
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.599.948	3.599.948
- Cổ phiếu phổ thông	3.599.948	3.599.948
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

16. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	31/12/2016		01/01/2016	
	Gốc ngoại tệ	VND	Gốc ngoại tệ	VND
Nợ khó đòi đã xử lý		969.869.450		969.869.450
Ngoại tệ các loại				
+ USD	371.459,94		615.977,93	
+ EUR	38.087,26		2.486,91	



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẬP CÔNG NGHIỆP
 929-931 QUỐC LỘ 1A, P. THỚI AN, Q. 12, TP. HCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	180.803.252.908	168.459.927.601
Doanh thu bán thành phẩm	178.707.449.635	161.007.846.216
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.095.803.273	7.452.081.385
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm nay VND	Năm trước VND
Giảm giá hàng bán	-	35.183.330
Cộng	-	35.183.330
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần bán thành phẩm	178.707.449.635	160.972.662.886
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	2.095.803.273	7.452.081.385
Cộng	180.803.252.908	168.424.744.271
4. Giá vốn hàng bán	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	147.924.645.112	129.477.613.723
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.670.928.422	1.264.021.759
Cộng	149.595.573.534	130.741.635.482
5. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	105.825.057	101.350.605
Lãi chênh lệch tỷ giá	396.031.605	247.702.765
Cộng	501.856.662	349.053.370

4-C
Y
TUE
J VÀ
E T
OÁI
ET
C

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	58.040.657	88.075.867
Cộng	58.040.657	88.075.867

7. Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) phải trả bảo hành sản phẩm	(3.870.684.090)	1.170.064.701
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.747.785.749	3.018.212.331
Cộng	(1.122.898.341)	4.188.277.032

8. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí cho nhân viên	12.432.304.434	12.155.562.000
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	159.816.736	190.477.832
Chi phí khấu hao tài sản cố định	513.045.109	379.876.386
Chi phí thuế, phí, lệ phí	998.999.350	2.061.295.263
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.698.762.847	4.948.168.286
Chi phí bằng tiền khác	2.007.595.576	537.210.600
Cộng	18.810.524.052	20.272.590.367

9. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu thanh lý tài sản cố định	123.787.911	200.000.000
Thu từ bán phế liệu, công cụ dụng cụ	253.532.727	192.523.183
Cộng	377.320.638	392.561.217



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý tài sản cố định	-	8.586.667
Phạt hành chính	109.129.898	18.200.000
Chi phí khác	85.775.795	-
Cộng	194.905.693	26.786.667

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế (năm trước thuế suất là 22%).

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được trình bày như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.146.284.613	13.848.993.443
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm	(198.825.912)	(250.302.765)
- Các khoản điều chỉnh tăng	427.248.250	18.200.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	626.074.162	268.502.765
Tổng lợi nhuận tính thuế	13.947.458.701	13.598.690.678
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.789.491.740	2.991.711.949
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp bổ sung theo cơ quan thuế	210.139.885	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.999.631.625	2.991.711.949

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.146.652.988	10.857.281.494
Các khoản điều chỉnh	(4.406.470.852)	(3.221.104.821)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(4.406.470.852)	(3.221.104.821)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.740.182.136	7.636.176.673
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	3.599.948	3.599.948
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.872	2.121

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

13. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	171.745.723.434	79.196.942.995
Chi phí nhân công	51.362.021.120	51.606.571.231
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.210.258.492	3.480.388.053
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.828.373.678	16.470.046.506
Chi phí khác bằng tiền	4.529.252.678	7.669.619.662
Cộng	241.675.629.402	158.423.568.447

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng	4.442.741.996	3.592.255.201
Thù lao	432.000.000	432.000.000

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty chủ yếu tập trung vào nhóm sản xuất thiết bị cơ khí, không phải là doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, cung cấp nhiều nhóm sản phẩm và dịch vụ, do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Sản phẩm của Công ty chủ yếu được tiêu thụ tại một số khu vực địa lý, nhưng không có sự khác biệt đáng kể về lợi ích kinh tế hay chịu rủi ro, do đó Ban Tổng Giám đốc cũng quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.121.351.903	18.535.387.289	16.121.351.903	18.535.387.289
Phải thu khách hàng và phải thu khác	34.626.704.528	39.153.531.235	34.626.704.528	39.153.531.235
Cộng	50.748.056.431	57.688.918.524	50.748.056.431	57.688.918.524
Nợ phải trả tài chính				
Chi phí phải trả	2.300.000	-	2.300.000	-
Phải trả người bán	8.712.795.219	3.167.202.179	8.712.795.219	3.167.202.179
Phải trả khác	580.352.910	13.935.263.523	580.352.910	13.935.263.523
Cộng	9.295.448.129	17.102.465.702	9.295.448.129	17.102.465.702

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý :

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.

5. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản đảm bảo thế chấp đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng vào ngày 31/12/2015 và vào ngày 31/12/2016. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác vào ngày 31/12/2015 và vào ngày 31/12/2016.

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

21
CỘ
INH
VE
HIN
KIE
VAN
TP.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm	Cộng
Số cuối năm	9.295.448.129	-	9.295.448.129
Phải trả người bán	8.712.795.219	-	8.712.795.219
Chi phí phải trả	2.300.000	-	2.300.000
Phải trả khác	580.352.910	-	580.352.910
Số đầu năm	17.102.465.702	-	17.102.465.702
Phải trả người bán	3.167.202.179	-	3.167.202.179
Chi phí phải trả	-	-	-
Phải trả khác	13.935.263.523	-	13.935.263.523

8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

34-C
TY
HỮU
Ữ VÀ
Ế TC
TOÁN
ÉT
5 Cx



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Phía Nam kiểm toán. Một số số liệu đã được trình bày lại để so sánh với số liệu năm nay như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Số liệu năm 2015	Số liệu năm 2015 (Trình bày lại)	Chênh lệch
Chi phí bán hàng	7.409.342.598	4.188.277.032	(3.221.065.566)
Thu nhập khác	3.613.626.783	392.561.217	(3.221.065.566)

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm và đến nay lập báo cáo này không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quý

Ngày 25 tháng 02 năm 2017

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Long Châu

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thành Trung



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẬP CÔNG NGHIỆP (IME)



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2017

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH



ĐOÀN MINH TOÀN